

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Tố Uyên

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP
MINH LONG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Tố Uyên
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Tố Uyên

Mã SV: 1412401226

Lớp: QT1801K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long
 - Mô tả và tìm hiểu thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long
 - Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Longtrên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Suru tầm, lựa chọn từ các số liệu tài liệu phục vụ cho việc minh họa công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Xây dựng và Công nghiệp Minh Long

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Xây dựng và Công nghiệp Minh Long

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Vũ Thị Tố Uyên

ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Mai Linh
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh
Họ và tên sinh viên: Vũ Thị Tố Uyên Chuyên ngành: KT-KT
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xây dựng và Công nghiệp Minh Long.
Nội dung hướng dẫn: Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp; Mô tả thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xây dựng và Công nghiệp Minh Long; Đánh giá những ưu, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1: Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xây dựng và Công nghiệp Minh Long.

Chương 2: Sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xây dựng và Công nghiệp Minh Long, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2017). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3: Tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Xây dựng và Công nghiệp Minh Long, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018
Giảng viên hướng dẫn

Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1.2. Khái niệm và đặc điểm nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2.1. Khái niệm.....	3
1.1.2.2. Đặc điểm.....	3
1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	3
1.1.3.1. Yêu cầu quản lý	3
1.1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	4
1.1.4. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	4
1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu.....	4
1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu	5
1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	9
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song	9
1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	11
1.2.3. . Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.....	12
1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	14
1.3.1. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	14
1.3.2. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ	18
1.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	22
1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu	24
1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.	24
1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.	25
1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	27
1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.....	29
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.	30
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP MINH LONG	32
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long.	32

2.1.1. Lịch sử hình thành.....	32
2.1.2. Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của “công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long”	33
2.1.3. Đặc điểm tổ chức kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long.....	34
2.1.3.1. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	36
2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại công ty.....	37
2.1.3.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán.....	37
2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long.	38
2.2.1. Đặc điểm và tính giá NVL tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long.....	38
2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty:	38
2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu tại công ty	38
2.2.1.3 : Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty	40
2.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long.....	57
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....	57
2.2.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng.....	57
2.2.3.3. Quy trình hạch toán	57
2.2.3.4. Ví dụ minh họa.	58
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP MINH LONG	63
3.1. Đánh giá chung về công tác nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long	63
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long.....	65
3.2.1. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán.....	66
3.2.2. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.	72
3.2.3. Hoàn thiện công tác lập sổ danh điểm vật tư.....	73
3.2.4. Hoàn thiện công tác trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	77
3.2.5. Một số giải pháp khác.....	80
KẾT LUẬN	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	82

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.....	9
Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	12
Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi sổ sổ dư	13
Sơ đồ 1.4: Phương pháp kế toán tổng hợp theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	17
Sơ đồ 1.5: Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ	21
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.	25
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái.....	26
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	28
.....	28
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	30
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	31
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	33
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty	35
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	37
Sơ đồ 2.4 : Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.....	41
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long.....	58

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 Trích hóa đơn GTGT	43
Biểu số 2.2 Trích phiếu nhập kho	44
Biểu 2.3: Phiếu yêu cầu cấp vật tư	45
Biểu số 2.4: Trích phiếu xuất kho số 134	46
Biểu số 2.5: Trích thẻ kho	47
Biểu số 2.6:.....	48
Biểu số 2.7 Hóa đơn GTGT.....	50
Biểu số 2.8 Phiếu nhập kho	51
Biểu 2.9 : Phiếu yêu cầu xuất vật tư	52
Biểu số 2.10 : Phiếu xuất kho	53
Biểu số 2.11: Thẻ kho.....	54
Biểu 2.12.. (Trích sổ chi tiết xi măng PCB 30).....	55
Biểu 2.13 :(Trích bảng Tổng hợp nhập xuất tồn)	56
Biểu 2.14 : Trích sổ nhật ký chung năm 2017	61
Biểu 2.15 : Trích sổ cái tài khoản 152 năm 2017	62

LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay việc cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là một xu thế thiết yếu. Vậy nên bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng đều quan tâm đến nhu cầu của thị trường đang cần gì? Vì vậy các doanh nghiệp cần sản xuất, xây dựng, hoàn thiện sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu của thị trường, đáp ứng được các yêu cầu của thị trường.

Khi nguyên vật liệu bị thiếu trong sản xuất kinh doanh sẽ khiến cho công trình bị gián đoạn và chậm tiến độ thi công. Vậy nên nguyên vật được đóng góp là yếu tố đầu vào vô cùng quan trọng cấu thành nên công trình xây dựng. Sự ổn định về yếu tố nguyên vật liệu là một yếu tố tất yếu để đảm bảo cho sự hoạt động liên tục trong thời buổi kinh tế thị trường.

Sau quá trình được học hỏi trau dồi kiến thức tại trường và kết quả tìm hiểu thực tế trong thời gian thực tập tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long, cùng sự chỉ bảo tận tình của TS. Nguyễn Thị Mai Linh em đã đi sâu tìm hiểu và nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long”**.

Kết cấu của đề tài khóa luận gồm 3 chương

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long

Chương 3 : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long .

Trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu và viết bài còn nhiều thiếu sót em rất mong được sự chỉ bảo và nhận được sự góp ý từ các thầy cô đề bài viết của em có thể hoàn thiện tốt hơn. Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn chỉ bảo tận tình của Ths. Nguyễn Thị Mai Linh và ban lãnh đạo tập thể nhân viên công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long đã tạo điều kiện giúp đỡ cho em hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp này.

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Như ta đã biết trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất, thiết bị tiêu hao toàn bộ và chuyển toàn bộ giá trị một lần vào chi phí sản xuất cũng như giá trị sản phẩm. Giá thành sản phẩm là một vấn đề được quan tâm hàng đầu của doanh nghiệp, nền kinh tế thị trường chỉ cho phép một doanh nghiệp tồn tại và phát triển khi doanh nghiệp đó làm ăn có lãi. Để tồn tại và phát triển tốt các doanh nghiệp đều phải quan tâm đến giá thành sản phẩm vì vậy việc làm giảm giá thành sản phẩm có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự sống còn của doanh nghiệp. Do đó nguyên vật liệu có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, là yếu tố quyết định chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Chính vì vậy các nhà sản xuất rất quan tâm đến vấn đề quản lý và sử dụng nguyên vật liệu.

Kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng là một bộ phận đắc lực giúp nhà quản lý doanh nghiệp nắm rõ được tình hình và chỉ đạo sản xuất kinh doanh. Khi kế toán nguyên vật liệu có phân tích đánh giá đúng đắn thì nhà lãnh đạo mới nắm chính xác được tình hình thu mua, dự trữ, sản xuất vật liệu và tình hình thực hiện kế hoạch vật liệu để từ đó đề giúp các biện pháp quản lý thích hợp cho doanh nghiệp.

Đối với nền kinh tế sản xuất chi phí vật liệu là chi phí chủ yếu cấu thành nên giá thành sản phẩm. Do vậy việc tổ chức công tác kịp thời có chính xác, khoa học, hợp lý hay không quyết định tới tính chính xác kịp thời của giá thành sản phẩm cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm nguyên vật liệu trong doanh nghiệp**1.1.2.1. Khái niệm.**

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động được thể hiện dưới dạng vật hóa, là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở cấu thành lên hình thái vật chất của sản phẩm.

1.1.2.2. Đặc điểm.

Nguyên vật liệu là những tài sản lưu động thuộc nhóm hàng tồn kho

Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định với sự tác động của sức lao động và máy móc thiết bị chúng sẽ bị tiêu hao hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm

Trong doanh nghiệp xây dựng và công nghiệp thì giá trị nguyên vật liệu luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản lưu động và tổng chi phí sản xuất.

1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp**1.1.3.1. Yêu cầu quản lý**

Nguyên vật liệu là một tài sản dự trữ sản xuất thường xuyên bị biến động. Để quá trình sản xuất được diễn ra ổn định, liên tục thì yêu cầu công tác quản lý nguyên vật liệu từ các khâu thu mua, sử dụng bảo quản phải được diễn ra một cách chặt chẽ và toàn diện.

- Ở khâu thu mua: Mỗi loại vật liệu có tính chất lý hóa khác nhau, công dụng và tỉ lệ hao hụt khác nhau do đó việc thu mua phải đảm bảo cung cấp đầy đủ nguyên vật liệu sản xuất về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả hợp lý và đặc biệt quan tâm đến chi phí thu mua thực tế của vật liệu nhằm mục đích hạ thấp chi phí.
- Ở khâu dự trữ: Để đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra liên tục không bị ngừng trệ gián đoạn thì doanh nghiệp phải dự trữ vật liệu đúng định mức tối đa tối thiểu cho việc sản xuất diễn ra bình thường không gây ra tình trạng ứ đọng do dự trữ quá nhiều.

- Ở khâu sử dụng: Sử dụng vật liệu đúng định mức đúng chủng loại nhằm phát huy hiệu quả sử dụng và chất lượng sản phẩm. Phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh đúng tình hình xuất dùng, sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất. Do công tác quản lý nguyên vật liệu có tầm quan trọng như vậy nên việc tăng cường quản lý vật liệu là rất cần thiết. Phải luôn cải tiến công tác quản lý nguyên vật liệu cho phù hợp với thực tế sản xuất.

1.1.3.2. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

- Thực hiện tốt việc đánh giá, phân loại vật liệu theo đúng quy định, nguyên tắc của nhà nước và doanh nghiệp.
- Tổ chức tốt các chứng từ, tài khoản kế toán, sổ kế toán phù hợp với phương pháp hàng tồn kho trong doanh nghiệp để ghi chép, phân loại, tổng hợp số liệu về tình hình hiện có và số lượng tăng giảm vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, cung cấp số liệu một cách kịp thời để tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm.
- Tham gia việc đánh giá phân tích tình hình thực hiện kế hoạch thu mua, tình hình thanh toán với người mua và người bán và tình hình sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.4. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp nguyên vật liệu vô cùng đa dạng và phong phú, mỗi loại có một vai trò công dụng và tính năng khác nhau. Vì vậy để quản lý vật liệu một cách hợp lý, hiệu quả, doanh nghiệp đã tiến hành phân loại vật liệu. Tùy theo yêu cầu sử dụng mà mỗi doanh nghiệp có một cách phân loại khác nhau.

❖ Phân biệt theo vai trò, công dụng sử dụng chủ yếu của vật liệu

- Nguyên vật liệu chính: Là đối tượng chủ yếu cấu thành lên thực thể của sản phẩm

- Nguyên vật liệu phụ: Là nguyên vật liệu có tác dụng phục vụ cho quá trình sản xuất, được sử dụng kết hợp với vật liệu chính làm tăng chất lượng, mẫu mã của sản phẩm hoặc để công cụ có thể hoạt động bình thường.

-Vật liệu khác: Là vật liệu không thuộc trong những loại vật liệu trên, những phế liệu được loại ra trong quá trình sản xuất hoặc thu hồi từ thanh lý tài sản.

-Phụ tùng thay thế: Là những vật liệu dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, công cụ dụng cụ

-Nhiên liệu: Là những thứ được sử dụng cho sản xuất như than, xăng dầu nhiên liệu thực chất chỉ là vật liệu phụ chúng được tách ra thành một nhóm riêng do vai trò quan trọng của nó nhằm mục đích quản lý và hạch toán thuận tiện hơn.

-Thiết bị và vật liệu xây dựng cơ bản: Là những vật liệu và thiết bị dùng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ và kết cấu dùng để lắp đặt công trình xây dựng cơ bản.

❖ Phân loại theo nguồn hình thành

-Nguyên vật liệu tự chế biến, thuê gia công: Là nguyên vật liệu mà tự doanh nghiệp tạo ra phục vụ cho nhu cầu sản xuất

-Nguyên vật liệu mua ngoài: Là nguyên vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất được mà mua từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.

❖ Phân loại theo mục đích sử dụng

-Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích khác: Nguyên vật liệu sản xuất chung, cho quản lý doanh nghiệp, đem góp vốn.

-Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích sản xuất: Là nguyên vật liệu trực tiếp phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm.

1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu

❖ Tính giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho

Tính giá nguyên vật liệu là một công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu. Tính giá thành nguyên vật liệu là công việc dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những quy tắc nhất định. Hạch toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp được tính theo giá trị thực tế.

Nguyên tắc tính giá nguyên vật liệu: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn đơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Trong đó:

-Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện có.

-Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để tiêu thụ sản phẩm đó.

-Tính giá nguyên vật liệu nhập kho tuân thủ theo nguyên tắc giá gốc. Nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được xác định khác nhau.

•Đối với nguyên vật liệu mua ngoài

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí} & & \text{Các khoản} & & \text{CKTM,} \\ \text{nguyên vật} & = & \text{ghi trên} & + & \text{thu mua} & + & \text{thuế không} & - & \text{Giảm giá} \\ \text{liệu nhập kho} & & \text{hóa đơn} & & \text{thực tế} & & \text{được hoàn} & & \text{hàng} \\ & & & & & & \text{lại} & & \text{mua} \end{array}$$

Nếu nguyên vật liệu được mua từ nước ngoài thì thuế nhập khẩu được tính vào giá nhập kho. Khoản thuế GTGT phải nộp khi mua nguyên vật liệu cũng được tính vào giá nhập nếu doanh nghiệp không thuộc diện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

•Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá thực tế} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí vận} \\ \text{của NVL} & & \text{của NVL} & & \text{thuê} & & \text{chuyển, bốc} \\ \text{thuê ngoài} & = & \text{xuất thuê} & + & \text{ngoài gia} & + & \text{xếp, bảo quản} \\ \text{gia công chế} & & \text{ngoài gia} & & \text{công chế} & & \text{(nếu có)} \\ \text{biến} & & \text{công chế} & & \text{biến} & & \end{array}$$

- *Đối với nguyên vật liệu tự chế*

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{của NVL tự chế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành sản} \\ \text{xuất NVL} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển,} \\ \text{bốc xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

- *Đối với nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh*

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{NVL nhận góp} \\ \text{vốn liên doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị góp vốn} \\ \text{do HĐLD đánh} \\ \text{giá} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc xếp,} \\ \text{bảo quản (nếu có)} \end{array}$$

- *Đối với nguyên vật liệu được biếu tặng viện trợ*

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế của NVL} \\ \text{được biếu tặng, viện} \\ \text{trợ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị tại thời} \\ \text{điểm nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các chi phí khác} \\ \text{phát sinh} \end{array}$$

- *Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất*

Giá trị thực tế của phế liệu thu hồi = Giá có thể sử dụng lại hoặc có thể bán

- ❖ *Tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho*

- *Phương pháp giá thực tế đích danh*

Theo phương pháp này thì vật tư thuộc lô hàng nào thì tính giá theo lô hàng đó. Phương pháp này thường được áp dụng cho các doanh nghiệp ít mặt hàng hoặc có mặt hàng ổn định và có tính cách biệt, nhận diện được.

- *Phương pháp bình quân gia quyền*

Theo phương pháp này thì giá trị xuất vật liệu bằng số lượng vật liệu xuất nhân với đơn giá bình quân. Đơn giá bình quân có thể xác định theo 1 trong 2 phương pháp sau.

•*Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ*

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

•*Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập n} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn kho sau lần nhập n}}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn kho sau lần nhập n}}$$

•*Phương pháp nhập trước – xuất trước*

Phương pháp này được thực hiện như sau: Số vật liệu mua vào trước sẽ được dùng trước. Hàng tồn kho cuối kỳ là hàng mới nhập, do vậy giá thực tế xuất dùng được tính hết theo giá thực tế của lần nhập trước xong mới đến lần nhập sau.

Ưu điểm là cho phép kế toán tính giá NVL kịp thời, cho phép ước tính hợp lệ về nguyên giá vật liệu cuối kỳ. Nhưng các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành.

•*Phương pháp giá bán lẻ*

Được dùng trong các ngành bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sử dụng một tỷ lệ phần trăm riêng.

Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ hàng tồn kho cuối kỳ. Phương pháp này được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù nhất định (siêu thị).

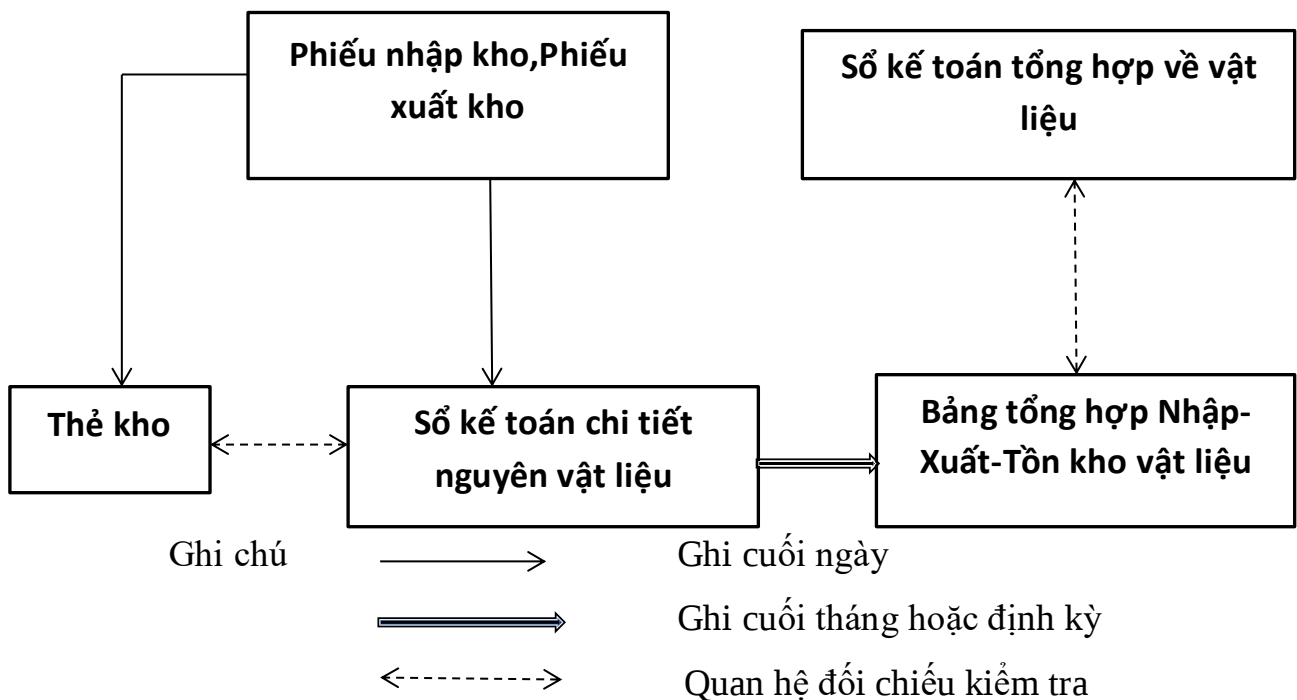
1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

Theo phương pháp này thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất NVL để ghi vào “Thẻ kho” (mở theo từng danh điểm trong từng kho) . Kế toán NVL cũng dựa trên chứng từ nhập, xuất NVL để ghi số lượng và tính thành tiền NVL nhập, xuất vào “thẻ kế toán chi tiết vật liệu” (mở tương ứng với thẻ kho) . Cuối kỳ kế toán tiến hành đối chiếu số liệu trên “ Thẻ kế toán chi tiết vật liệu” với “ Thẻ kho” tương ứng do thủ kho chuyển đến, đồng thời từ “ Sổ sách kế toán chi tiết vật liệu” kế toán lấy số liệu để ghi vào “ Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn vật liệu” theo từng danh điểm, từng loại NVL để đối chiếu với số liệu kế toán tổng hợp nhập, xuất vật liệu.

Phương pháp này rất đơn giản trong khâu ghi chép đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót, đồng thời cung cấp thông tin nhập, xuất và hàng tồn kho của từng loại NVL kịp thời, chính xác. Tuy nhiên phương pháp này chỉ sử dụng được trong doanh nghiệp có ít danh điểm NVL.

Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



* *Tại kho*: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập - xuất tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi một dòng vào thẻ kho. Thẻ được mở cho từng danh điểm nguyên vật liệu. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập, xuất, tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm nguyên vật liệu.

* *Tại phòng kế toán*: Kế toán nguyên vật liệu sử dụng thẻ hay sổ chi tiết nguyên vật liệu. Sổ chi tiết nguyên vật liệu kết cấu như thẻ kho nhưng thêm cột đơn giá và phản ánh riêng theo số lượng, giá trị và cũng được phản ánh theo từng danh điểm nguyên vật liệu.

Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập - xuất nguyên vật liệu ở kho, kế toán kiểm tra và hoàn chỉnh chứng từ rồi ghi vào sổ (thẻ) chi tiết.

Định kỳ phải kiểm tra số liệu trên thẻ kho và sổ chi tiết. Cuối tháng tính ra số tồn kho và đối chiếu số liệu với sổ kế toán tổng hợp.

Đối chiếu số liệu giữa sổ chi tiết vật liệu ở phòng kế toán và thẻ kho của thủ kho bằng cách thông qua báo cáo tình hình biến động của nguyên vật liệu do thủ kho gửi lên.

* *Ưu, nhược điểm*:

+ Ưu điểm: Việc ghi sổ thẻ đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót trong việc ghi chép, quản lý chặt chẽ tình hình biến động và số hiện có của từng thứ nguyên vật liệu theo số lượng và giá trị.

+ Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, khối lượng công việc ghi chép quá lớn. Công việc còn dồn vào cuối tháng nên hạn chế tính kịp thời của kế toán và gây lãng phí về lao động.

Phương pháp ghi thẻ song song áp dụng thích hợp với những doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu ít, tình hình nhập - xuất nguyên vật liệu phát sinh hàng ngày không nhiều, trình độ kế toán và quản lý không cao. Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ song song.

1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

* *Tại kho:* Giống phương pháp thẻ song song ở trên

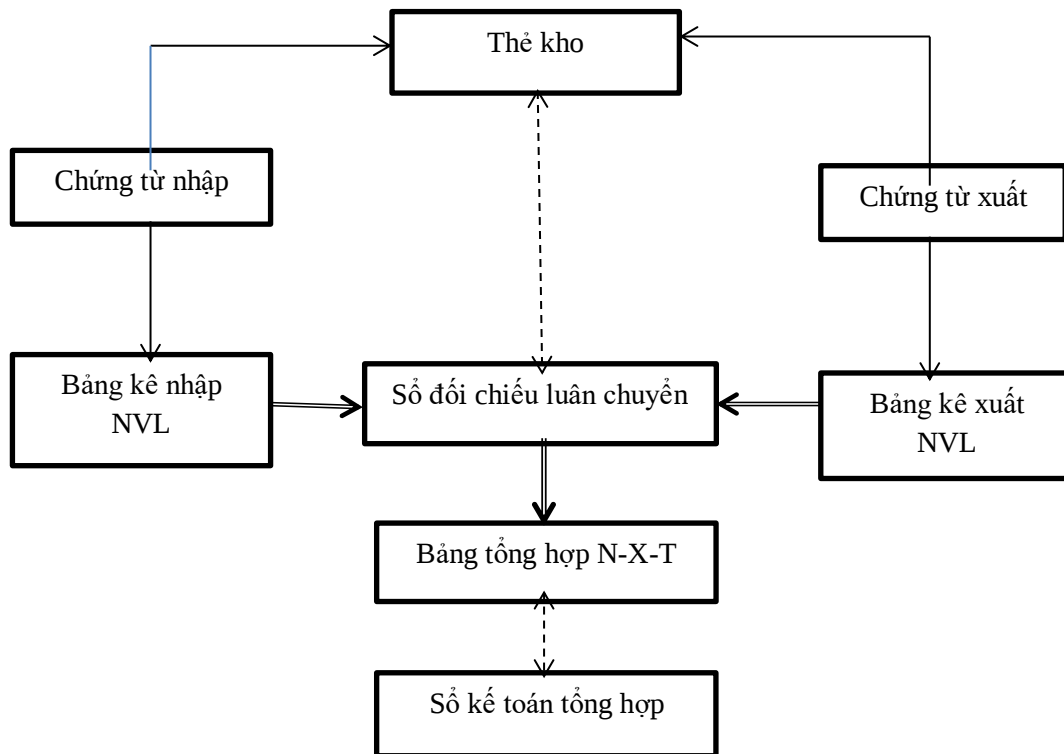
* *Tại phòng kế toán:* Không mở thẻ kế toán chi tiết mà mở sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng thứ (Danh điểm) nguyên vật liệu theo từng kho. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng của từng nguyên vật liệu, mỗi thứ chỉ ghi một dòng trong sổ. Cuối tháng đối chiếu số lượng nguyên vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho, đối chiếu số tiền với kế toán tổng hợp.

* *Ưu, nhược điểm:*

+ *Ưu điểm:* Giảm bớt được khối lượng ghi chép, chỉ tiến hành ghi một lần vào cuối tháng.

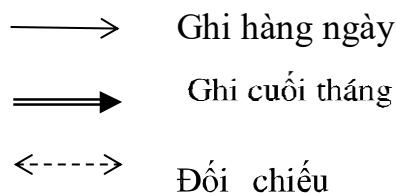
+ *Nhược điểm:* Việc ghi chép còn trùng lặp về số lượng. Công việc kế toán dồn vào cuối tháng, việc kiểm tra đối chiếu trong tháng giữa kho và phòng kế toán không được thực hiện do trong tháng kế toán không ghi sổ, hạn chế công tác quản lý và tính giá thành sản phẩm.

Phương pháp này không được phổ biến, chỉ có những doanh nghiệp có số lượng, chủng loại lớn mới áp dụng.



Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Chú thích :



1.2.3.. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ sổ dư

* *Tại kho:* Ngoài sử dụng thẻ kho để ghi chép sử dụng sổ sổ dư để ghi chép số tồn kho cuối tháng của từng loại NVL theo chỉ tiêu số lượng. Cuối tháng sổ sổ dư được chuyển cho thủ kho để ghi số lượng hàng tồn kho trên cơ sở số liệu từ thẻ kho.

* *Tại phòng kế toán:* Định kỳ kế toán xuống kiểm tra và trực tiếp nhận chứng từ nhập xuất kho, sau đó tiến hành tổng hợp số liệu theo chỉ tiêu giá trị của NVL nhập xuất theo từng nhóm NVL để ghi vào bảng kê nhập xuất, tiếp đó ghi vào bảng kê lũy kế nhập xuất, đến cuối tháng ghi vào phần nhập xuất tồn của bảng kê tổng hợp. Đồng thời cuối tháng khi nhận sổ sổ dư từ thủ kho, kế toán

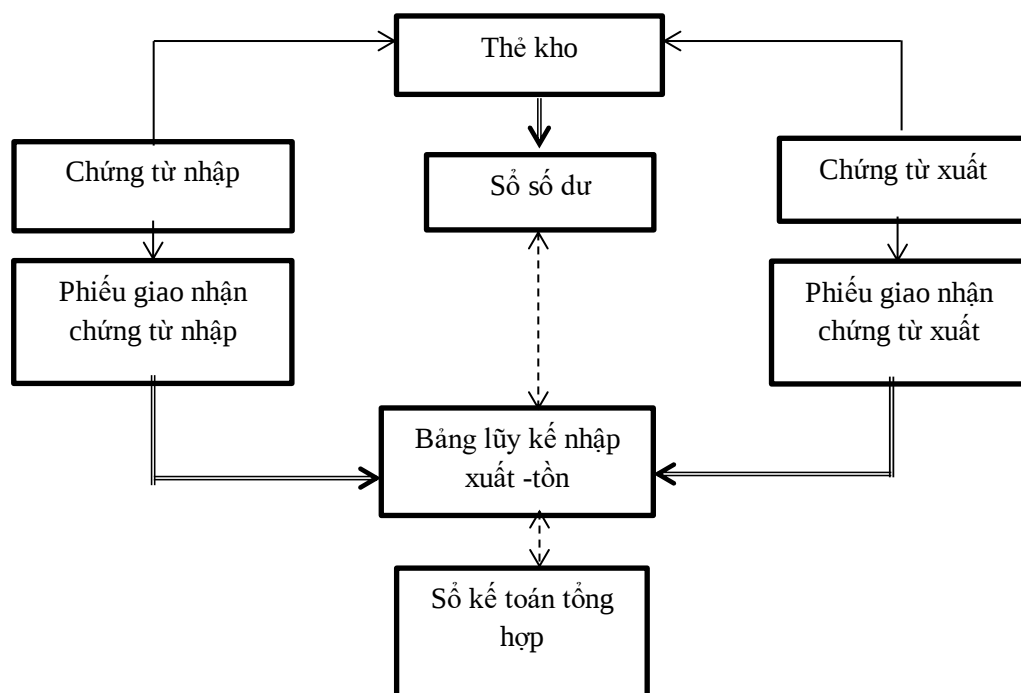
tính giá trị của NVL tồn kho để ghi vào sổ số dư, cột thành tiền số liệu này phải khớp với tồn kho cuối tháng trên bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn kho cuối kỳ.

** Ưu, nhược điểm:*

+ Ưu điểm: Giảm bớt được khối lượng ghi chép, kiểm tra đối chiếu tiến hành định kỳ nên bảo đảm tính chính xác, công việc dàn đều trong tháng.

+ Nhược điểm: Do phòng kế toán chỉ theo dõi chỉ tiêu giá trị vì vậy khi nắm bắt tình hình nhập xuất tồn của thứ nguyên vật liệu nào thì phải xem trên thẻ kho, khi kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ số dư và bảng kê khá phức tạp nếu xảy ra sự chênh lệch.

Phương pháp này thường sử dụng cho các doanh nghiệp có nhiều chủng loại VNL hay kinh doanh nhiều mặt hàng, tình hình nhập xuất NVL xảy ra thường xuyên.



Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi sổ số dư
 Chú thích:

—————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi cuối tháng
 <-----> Đối chiếu

1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.3.1. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho. Phương pháp này được sử dụng phổ biến hiện nay ở nước ta vì những tiện ích của nó, tuy nhiên những Doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá có giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán mà áp dụng phương pháp này sẽ tốn rất nhiều công sức. Dù vậy phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời. Theo phương pháp này, tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập xuất tồn kho của từng loại vật liệu nói riêng và hàng tồn kho nói chung.

Phương pháp này áp dụng trong các Doanh nghiệp có quy mô lớn chủ yếu là Doanh nghiệp Nhà nước sản xuất nhiều loại sản phẩm khác nhau với số lượng lớn, giá trị cao.

+ Ưu điểm: Phương pháp này có độ chính xác cao, cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời, tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập-xuất-tồn của từng loại mặt hàng trong kho.

+ Nhược điểm: Phương pháp này tốn nhiều công tunhs toán

❖ Chứng từ sử dụng

-Phiếu nhập kho

-Phiếu xuất kho

-Hóa đơn GTGT

-Biên bản kiểm nghiệm vật tư

-Phiếu đề xuất vật tư

-.....

❖ Tài khoản sử dụng

Để ghi chép vật tư theo phương pháp này kế toán sử dụng tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”, tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”, tài khoản 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”, tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung” .

Tài khoản 152 "Nguyên vật liệu"

Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế. Kết cấu TK 152:

-Bên Nợ:

+ Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn liên doanh, được cấp hoặc nhập từ nguồn khác.

+ Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

-Bên Có:

+ Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất, xuất bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh.

+ Trị giá NVL được giảm giá, CKTM hoặc trả lại người bán.

+ Trị giá nguyên vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê.

Tài khoản 152 có thể mở thành các tài khoản cấp 2:

TK 1521: NVL chính

TK 1522: Vật liệu phụ

TK 1523: Nhiên liệu

TK 1524: Phụ tùng thay thế

TK 1525: Vật tư, thiết bị xây dựng cơ bản

TK 1528: Vật liệu khác.

Tài khoản 15: Hàng mua đi đường.

Tài khoản này dùng để theo dõi các loại NVL, CCDC, hàng hoá mà Doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua, đã thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp nhưng cuối tháng chưa về nhập kho (kể cả số gửi ở kho người khác).

-Dư Nợ:

+ Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho

Tài khoản 151 "Hàng mua đi đường"

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại NVL mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho.

Kết cấu TK 151:

-Bên Nợ:

+ Giá trị nguyên vật liệu đang đi đường.

-Bên Có:

+ Giá trị nguyên vật liệu đi đường đã về nhập kho hoặc chuyển giao cho các đối tượng sử dụng.

-Dư Nợ:

+ Giá trị nguyên vật liệu đi đường chưa về nhập kho.

Ngoài ra, hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên còn sử dụng 1 số tài khoản liên quan khác như tài khoản 111, 112, 133, 141, 331, 515...

Căn cứ vào giấy nhận hàng, nếu xét thấy cần thiết thì khi hàng về đến nơi có thể lập ban kiểm nhận vật liệu cả về số lượng, chất lượng, quy cách. Ban kiểm nhận căn cứ vào kết quả thực tế để ghi vào “Biên bản kiểm kê vật tư” sau đó bộ phận cung ứng sẽ lập “Phiếu nhập kho” vật tư trên cơ sở hoá đơn, giấy báo nhận hàng và biên bản kiểm nhận rồi giao cho thủ kho. Thủ kho sẽ ghi số thực nhập vào phiếu rồi chuyển cho phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ. Trường hợp phát hiện thừa thiếu, sai quy cách, thủ kho phải báo cho bộ phận cung ứng biết và cùng người giao lập biên bản.

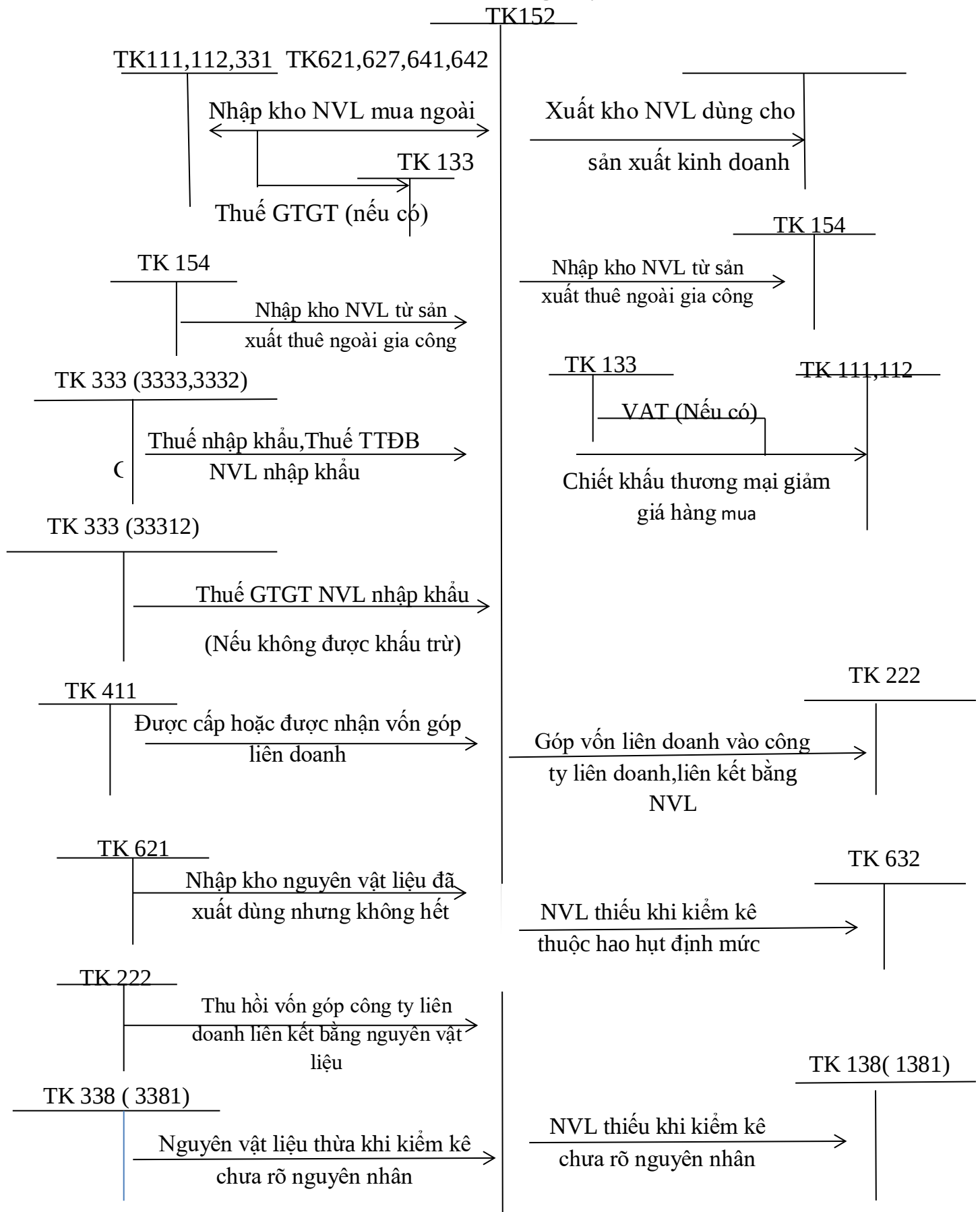
Các chứng từ được sử dụng trong hạch toán vật liệu ở Doanh nghiệp thường bao gồm:

- Hoá đơn bán hàng (nếu tính theo phương pháp trực tiếp).
- Hoá đơn GTGT (nếu tính theo phương pháp khấu trừ)
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu xuất vật tư theo hạn mức, phiếu xuất kho... tùy theo từng nội dung chủ yếu của từng Doanh nghiệp.

❖ *Phương pháp hạch toán*

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ dưới đây.

Sơ đồ 1.4: Phương pháp kế toán tổng hợp theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.3.2. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Theo phương thức này, trị giá vật tư xuất dùng được tính theo công thức

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá} & & & & \text{Trị giá NVL} & & \text{Trị giá NVL} \\ \text{NVL xuất} & = & \text{Trị giá NVL} & + & \text{nhập trong} & - & \text{Trị giá NVL tồn} \\ \text{kho} & & \text{tồn kho} & & \text{kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp này mọi biến động của vật tư, hàng hóa nhập kho, xuất kho không theo dõi, phản ánh trên cơ sở tài khoản kế toán tồn kho mà được theo dõi trên tài khoản 611.

Như vậy khi áp dụng phương pháp này tài khoản kế toán phản ánh nguyên vật liệu chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán để phản ánh trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

❖ *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- Phiếu đề nghị xuất vật tư
-

❖ *Tài khoản sử dụng*

Để ghi chép vật tư theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán sử dụng tài khoản 611 “Mua hàng”, tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”, tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”

➤ *Tài khoản 611*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị thực tế của vật liệu mua vào, xuất ra trong kỳ.

Bên nợ :

Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu dụng cụ tồn kho đầu kỳ

Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua trong kỳ và hàng hóa đã bán bị trả lại

Bên có:

-Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ.

- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ)

- Giá gốc công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc không giảm giá

TK 611 không có số dư cuối kỳ chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2.

- TK 6111: Mua nguyên liệu, vật liệu.

- TK 6112: Mua hàng hoá.

* TK 152: “ Nguyên liệu, vật liệu”

Dùng để phản ánh giá trị thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho chi tiết theo từng loại. Khác với phương pháp kê khai thường xuyên đối với doanh nghiệp áp dụng kế toán theo phương pháp KKĐK thì 2 TK 151, 152 không để theo dõi tình hình nhập xuất trong kỳ mà chỉ dùng để kết chuyển giá trị thực tế vật liệu và hàng mua đang đi đường vào lúc đầu kỳ, cuối kỳ vào TK 611 “ mua hàng”.

Kết cấu TK 152.

- Bên nợ: Giá trị NVL thực tế tồn kho cuối kỳ.

- Bên có: Kê chuyển giá trị thực tế vật liệu tồn kho đầu kỳ sang TK 611.

-Số Dư nợ: Giá trị thực tế vật liệu tồn kho.

* TK 151: “Hàng mua đang đi đường”

Dùng để phản ánh trị giá số hàng mua (thuộc sở hữu của đơn vị) nhưng đang đi đường hay đang gửi tại kho người bán, chi tiết theo từng loại hàng, từng người bán. Kết cấu TK 151.

- Bên nợ: Giá trị thực hàng đang đi đường cuối kỳ.

- Bên có: Kết chuyển giá trị thực tế hàng đang đi đường đầu kỳ.

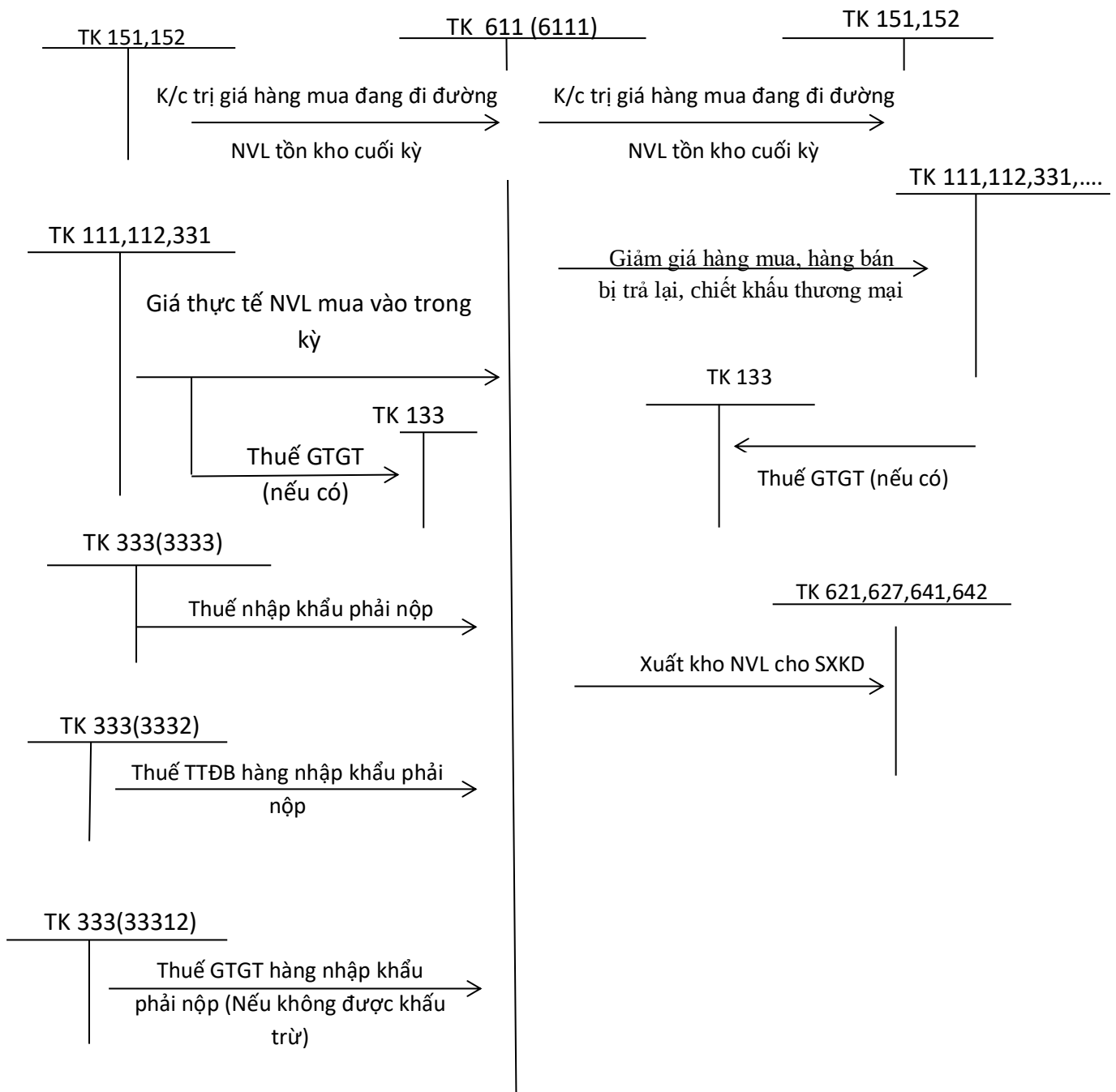
-Số Dư nợ: Giá trị thực tế hàng đang đi đường

* Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như: 133, 331, 111, 112...các TK này có nội dung và kết cấu giống như phương pháp KKTX.

❖ *Phương pháp hạch toán*

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.5 sau

Sơ đồ 1.5: Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu, dụng cụ dùng cho sản xuất, vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu mô-t, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển...), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (sau đây gọi tắt là hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính hoặc các bằng chứng hợp lý khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

- Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

- Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm nếu giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thì doanh nghiệp phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập bằng số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập ở kỳ báo cáo trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp không phải trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho;

- Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập ở kỳ báo cáo trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp được trích thêm phần chênh lệch vào giá vốn hàng bán ra trong kỳ.

- Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập ở kỳ báo cáo trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch và ghi giảm giá vốn hàng bán.

- Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hoá tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

Riêng dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật tư} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư hàng hóa} \\ \text{thực tế tồn kho tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo tài} \\ \text{chính} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng} \\ \text{tồn kho theo} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của hàng} \\ \text{tồn kho} \end{array} \right)$$

❖ *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 229 “Dự phòng tổn thất tài sản”

Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết;
- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.
- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên Có:

Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư bên Có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

Tài khoản 229 - Dự phòng tổn thất tài sản có 4 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 2291 - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh*
- *Tài khoản 2292 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác*
- *Tài khoản 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi*
- *Tài khoản 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

❖ *Phương pháp hạch toán*

- Khi lập báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch ghi:

Nợ TK 632-Giá vốn hàng bán

Nợ TK 2294- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

-Khi lập báo cáo tài chính, nếu dự phòng giảm giá hàng tồn kho kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch ghi :

Nợ TK2294 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK632 – Giá vốn hàng bán

-Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng , mất phẩm chất, hư hỏng , không còn giá trị sử dụng , ghi:

Nợ TK 2294 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (được bù đắp bằng dự phòng)

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán (Nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có Tk 152,153,155,156.

1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu

1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ sau đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

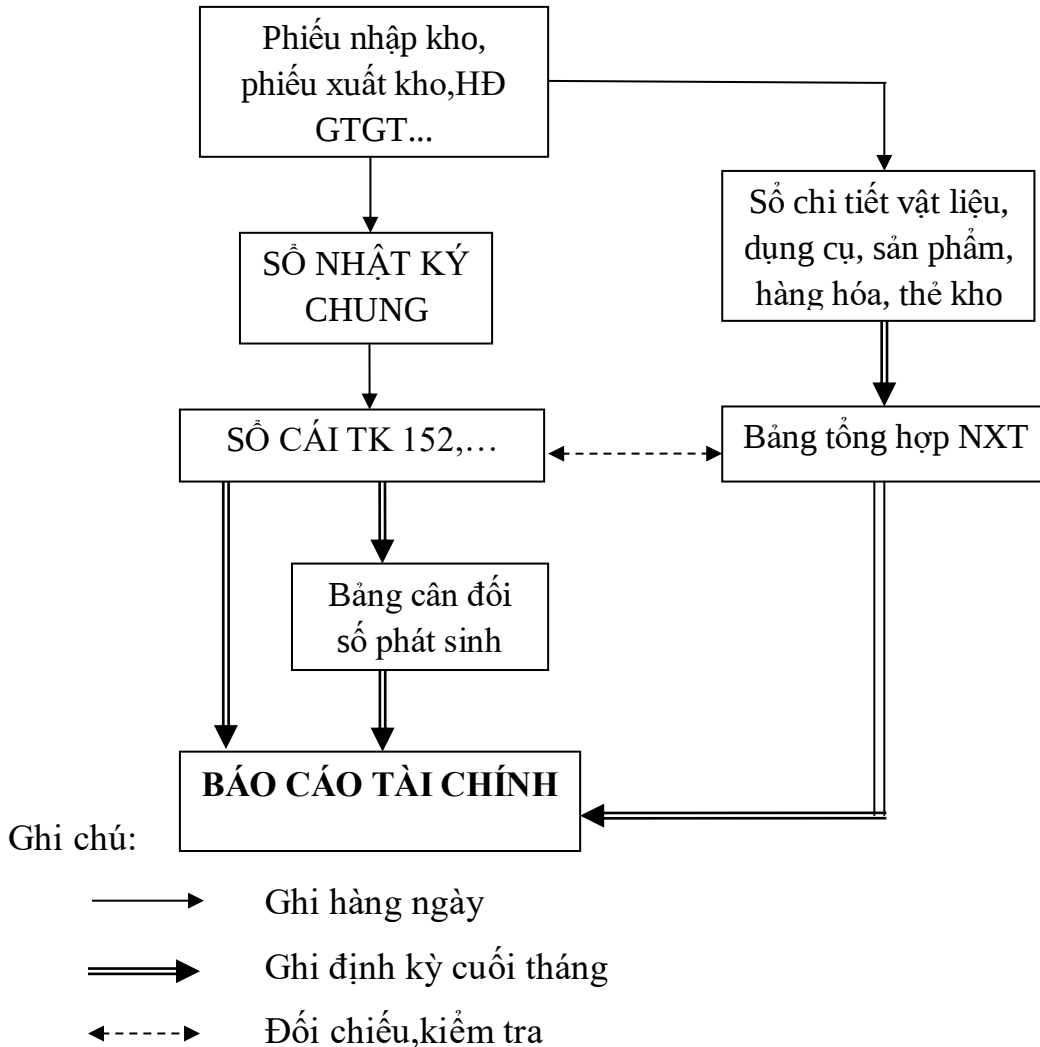
Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết

liên quan. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

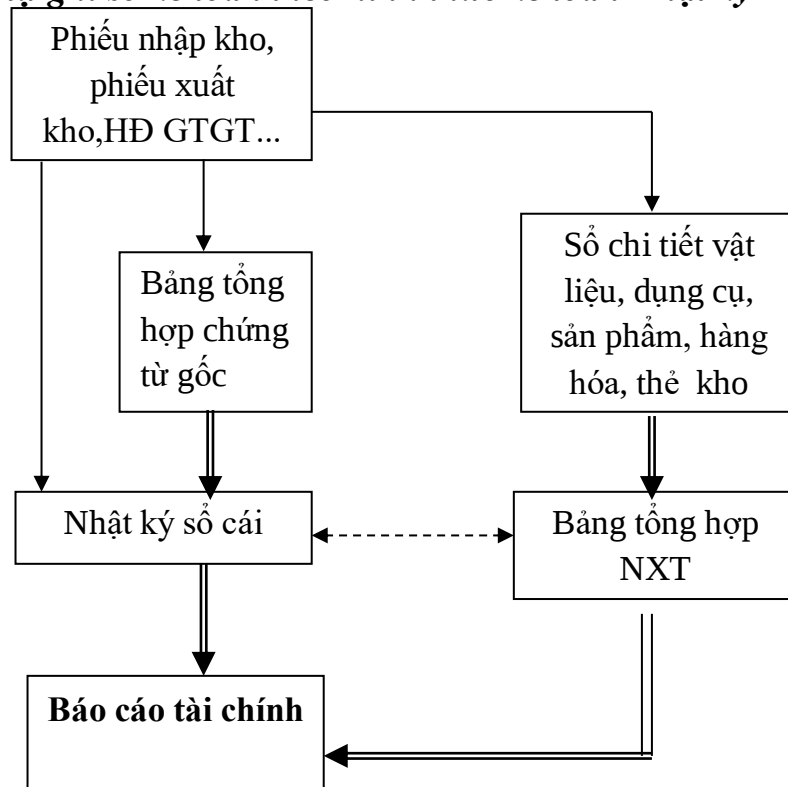
Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký – Sổ Cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ cuối tháng
- <-----> Đối chiếu, kiểm tra

1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng Ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

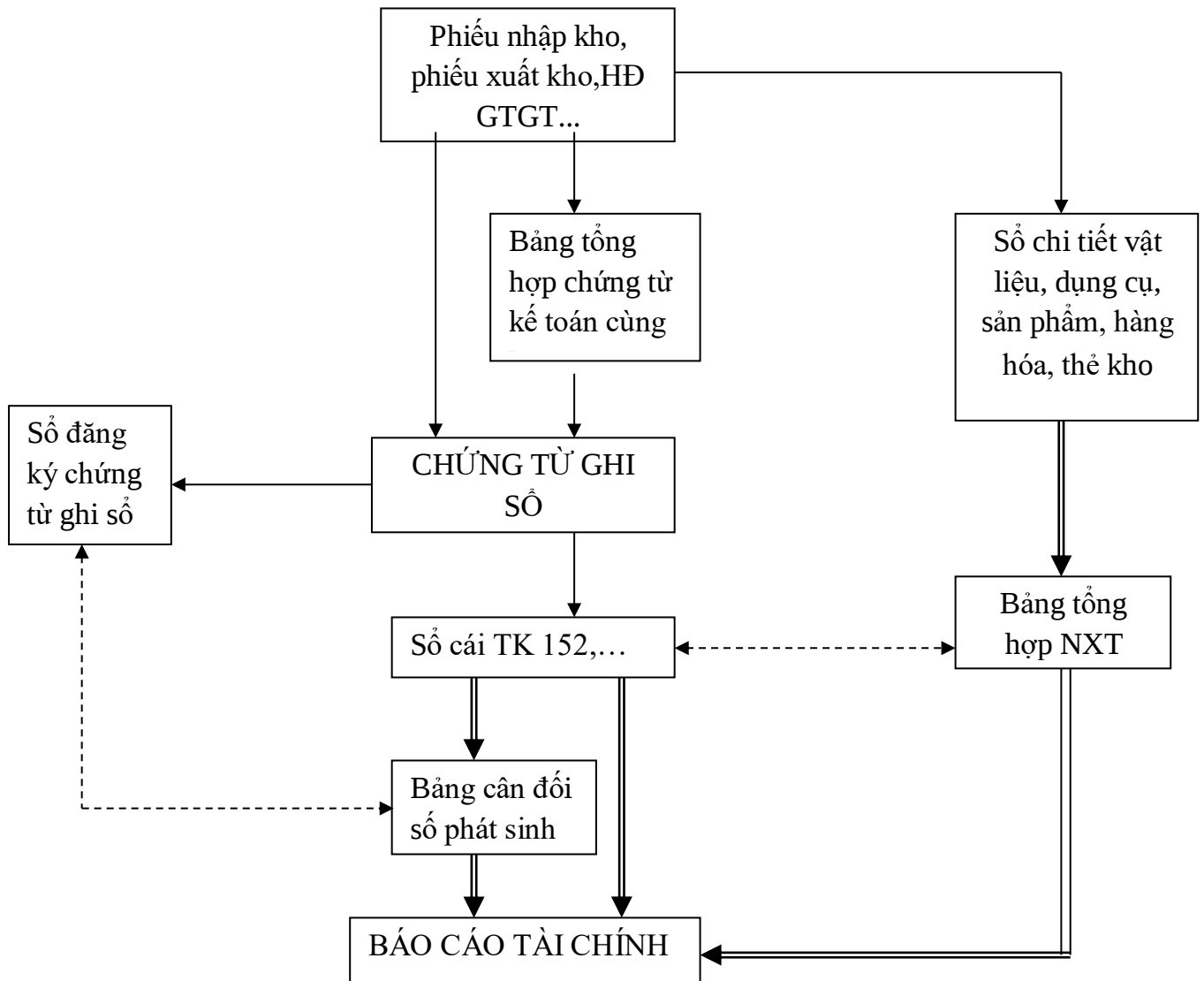
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng Hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân Đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng Ký Chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi định kỳ cuối tháng
- ←-----→ Đối chiếu, kiểm tra

1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

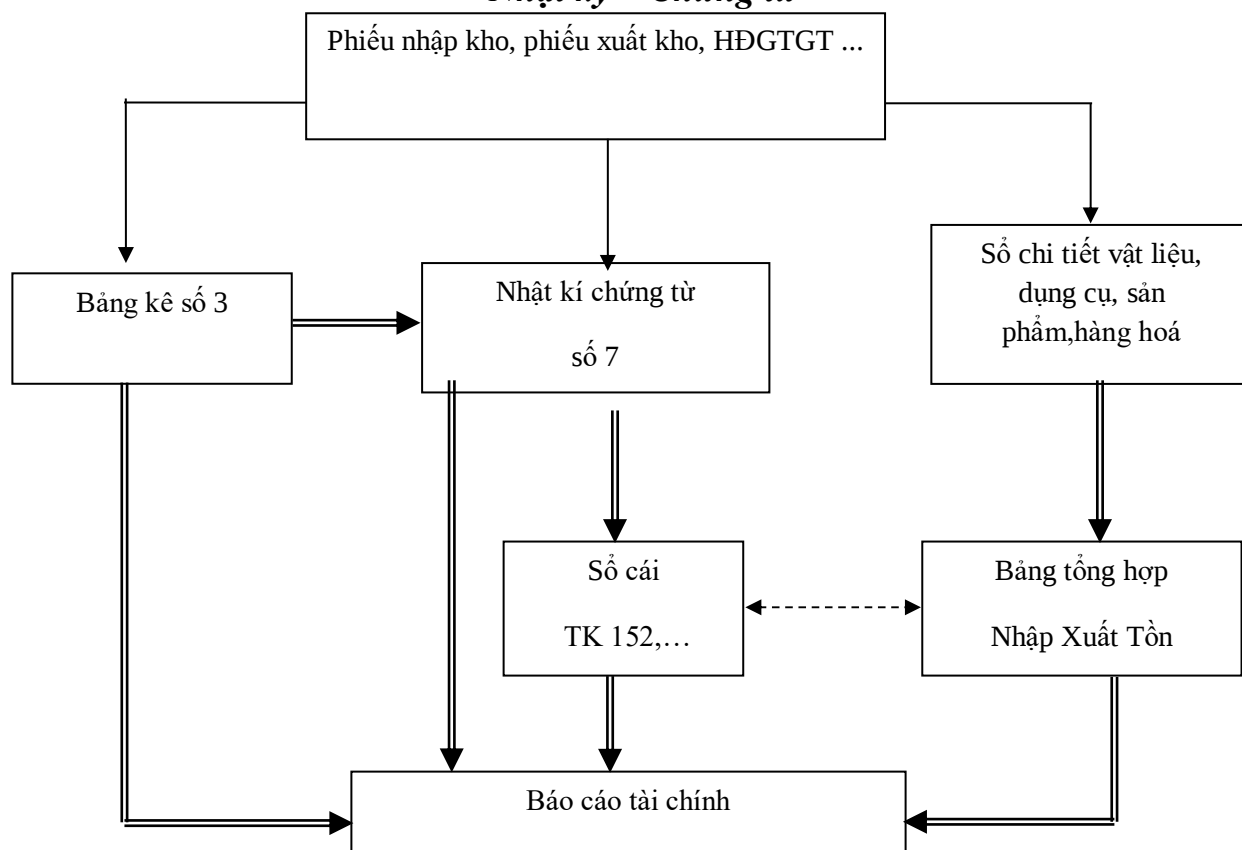
Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký – Chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký – Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký – Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký – Chứng từ. Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký – Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái. Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ Cái. Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký – Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

Nhật ký – Chứng từ

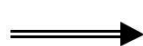


Ghi chú:

Ghi cuối ngày:



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

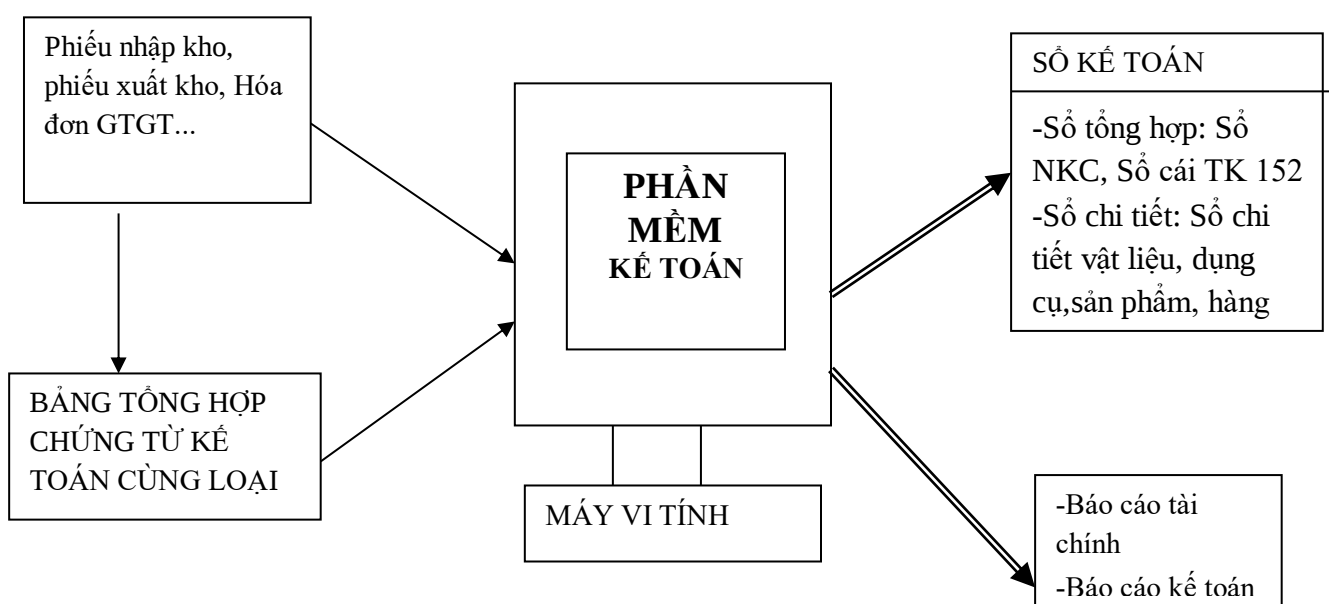


1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế

sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Nhật ký chung, hay Chứng từ ghi sổ..) và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (Cộng sổ) và lập báo cáo tài chính.

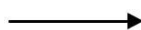
Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

Ghi cuối ngày:



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP MINH LONG

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long.

2.1.1. Lịch sử hình thành.

Tên: Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long

Hình thức sở hữu vốn: Vốn chủ sở hữu.

Địa chỉ: xóm Bắc Vang – thôn Tả Quan- xã Dương Quan - huyện Thủy

Nguyên - Hải Phòng.

Mã số thuế: 0201184572

Giấy phép kinh doanh :0201184572 – ngày cấp: 04/07/2011

Ngày hoạt động: 05/07/2011

Điện thoại: 02256.536.668

Giám đốc: Vũ Thọ Biểu

Phạm vi hoạt động: trong và ngoài thành phố Hải Phòng

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp công trình, kinh doanh vật liệu xây dựng.

Những năm gần đây, với nền kinh tế đang phát triển như nước ta, trong thời kỳ mở cửa kinh tế thị trường đa dạng nhiều ngành thì nhu cầu về xây dựng cơ sở hạ tầng là rất lớn và ngành xây dựng là một trong những ngành chiếm vị trí quan trọng trong sự nghiệp phát triển đất nước. Để đáp ứng nhu cầu xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng,... phục vụ cho xã hội, góp phần phát triển kinh tế nhà nước thì hàng loạt các đơn vị xây lắp ra đời trong đó có công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long.

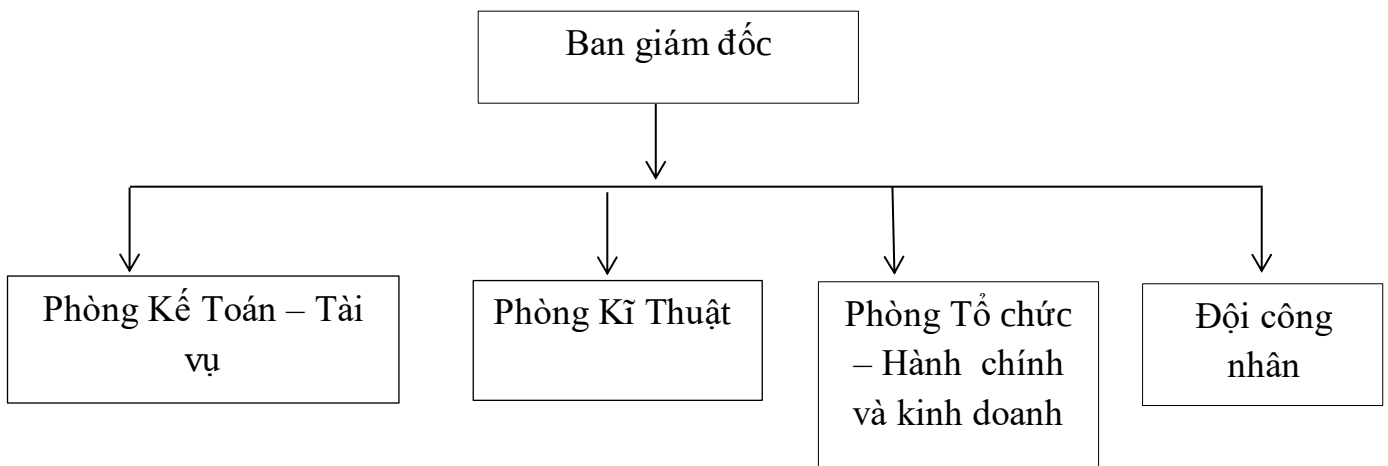
Qua 5 năm hoạt động và phấn đấu công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long đã tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm trong kinh doanh, xây lắp cũng như trong điều hành sản xuất. Mọi sản phẩm làm ra rất được khách hàng tín nhiệm. Hiện nay công ty có 03 phòng nghiệp vụ.

Đến nay Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long có một đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật lành nghề có tay nghề cao được tuyển

chọn kỹ, luôn tiếp thu những công nghệ tiên tiến cùng với sự năng động tiếp xúc với thị trường mới, Công ty đã ký được nhiều hợp đồng xây dựng công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật ...nhỏ và vừa trong phạm vi cả nước góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và tích lũy của đơn vị.

Cho dù thi công các công trình hay với việc chú trọng đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực về quản lý, thi công, không ngừng nghiên cứu, học hỏi và ứng dụng thành công những công nghệ mới, liên tục đầu tư các thiết bị tiên tiến một cách có hệ thống, chuyên sâu và hiệu quả đã và đang giúp Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long đáp ứng tối đa những đòi hỏi khắt khe nhất trên nhiều lĩnh vực của thị trường xây dựng trong nước. Công ty luôn duy trì một truyền thống kỹ thuật tuyệt vời, sáng tạo và một sự cam kết vững vàng về chất lượng, sự hài lòng của khách hàng.

2.1.2. Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của “công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long”



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Chức năng của từng phòng ban

➤ Ban giám đốc công ty:

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính.

- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

➤ **Phòng Kế toán – Tài vụ:**

- Ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

- Phản ánh tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ và kết quả thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tìm ra những biện pháp tối ưu nhằm đưa doanh nghiệp phát triển, đạt hiệu quả cao.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo quy định.

➤ **Phòng Kỹ thuật:**

- Tiếp nhận quản lý hồ sơ, tài liệu, dự toán, bang vẽ thiết kế công trình. Phân công cán bộ giám sát, theo dõi tình hình thực hiện công trình. Khi công trình hoàn thành, cán bộ kỹ thuật xác định khối lượng thực hiện và chuyển cho phòng kế toán đối chiếu, kiểm tra và quyết toán đầu tư. Theo dõi tình hình xuất, nhập vật tư. Cung cấp vật tư theo kế hoạch và tiến độ thi công. Báo cáo vật tư theo quy định.

➤ **Phòng tổ chức - hành chính và kinh doanh:**

- Đảm nhận công tác tổ chức quản lý hành chính của Công ty như sắp xếp tổ chức sản xuất, bố trí nhân sự, tổ chức hoạt động khoa học, quy chế trả lương, chế độ BHXH, công tác an toàn lao động. Tổ chức hoạt động kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng...

➤ **Các đội công nhân:**

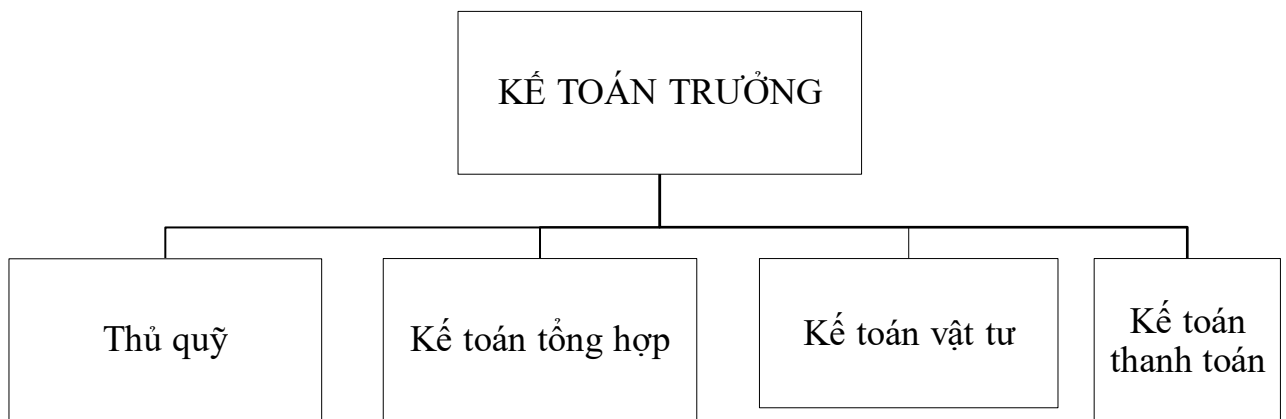
- Có nhiệm vụ thi công xây lắp các công trình do Công ty giao

2.1.3. Đặc điểm tổ chức kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long.

a. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Nhân viên kế toán của công ty đều được đào tạo chính quy chuyên ngành kế toán, có thời gian làm kế toán tương đối lâu năm nên có nhiều kinh nghiệm trong công tác hạch toán kế toán.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

*** Kế toán trưởng**

- Kế toán trưởng: Có trách nhiệm điều hành công việc chung của cả phòng, chỉ đạo tổ chức hướng dẫn kiểm tra toàn bộ công tác kế toán. Giúp Giám đốc Công ty chấp hành các chính sách chế độ về quản lý và sử dụng tài sản, việc sử dụng quỹ tiền lương và các quỹ khác của công ty cũng như việc chấp hành các kỷ luật tài chính tín dụng và thanh toán. Trực tiếp thanh quyết toán các khoản thu nộp với ngân sách nhà nước. Hướng dẫn nghiệp vụ cho cấp dưới thuộc quyền quản lý, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về mọi hoạt động tài chính kế toán của công ty theo luật định. Đồng thời kế toán trưởng cũng là người lập các báo cáo kế toán.

*** Thủ quỹ**

-Mở sổ quỹ tiền mặt, theo dõi tình hình thu chi tiền mặt hàng ngày và phải thường xuyên đối chiếu với kế toán thanh toán, chịu trách nhiệm chấm công cho bộ phận văn phòng công ty, cuối tháng tổng hợp công các công trình để lập bảng tính lương và thanh toán lương.

*** Kế toán tổng hợp**

- Có nhiệm vụ giúp kế toán trưởng trong công tác kế toán, tập hợp các số liệu tài chính phát sinh, ghi chép vào sổ sách kế toán có liên quan, chịu trách nhiệm báo cáo quyết toán tài chính, quyết toán thuế, lưu trữ, bảo quản chứng từ... tham mưu cho kế toán trưởng về tình hình tài chính của công ty.

*** Kế toán vật tư :**

- Mở sổ theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, ... cả về số lượng lẫn giá trị. Phân tích được nhu cầu thừa thiếu nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, ... trên công trường để tránh lãng phí nhằm sử dụng nguyên vật liệu có hiệu quả. Sau đó tổng hợp số liệu cho kế toán tổng hợp để trình lên kế toán trưởng.

*** Kế toán thanh toán:**

-Mở sổ theo dõi tình hình thu chi hàng ngày, theo dõi công nợ từng đối tượng người mua, người bán. Ngoài ra còn mở sổ công nợ cho đội thợ, sổ công nợ cán bộ công nhân viên.

2.1.3.1. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

Niên độ kế toán: Công ty áp dụng từ ngày 01/01/N kết thúc ngày 31/12/N.

Đơn vị tiền tệ: đồng Việt Nam

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

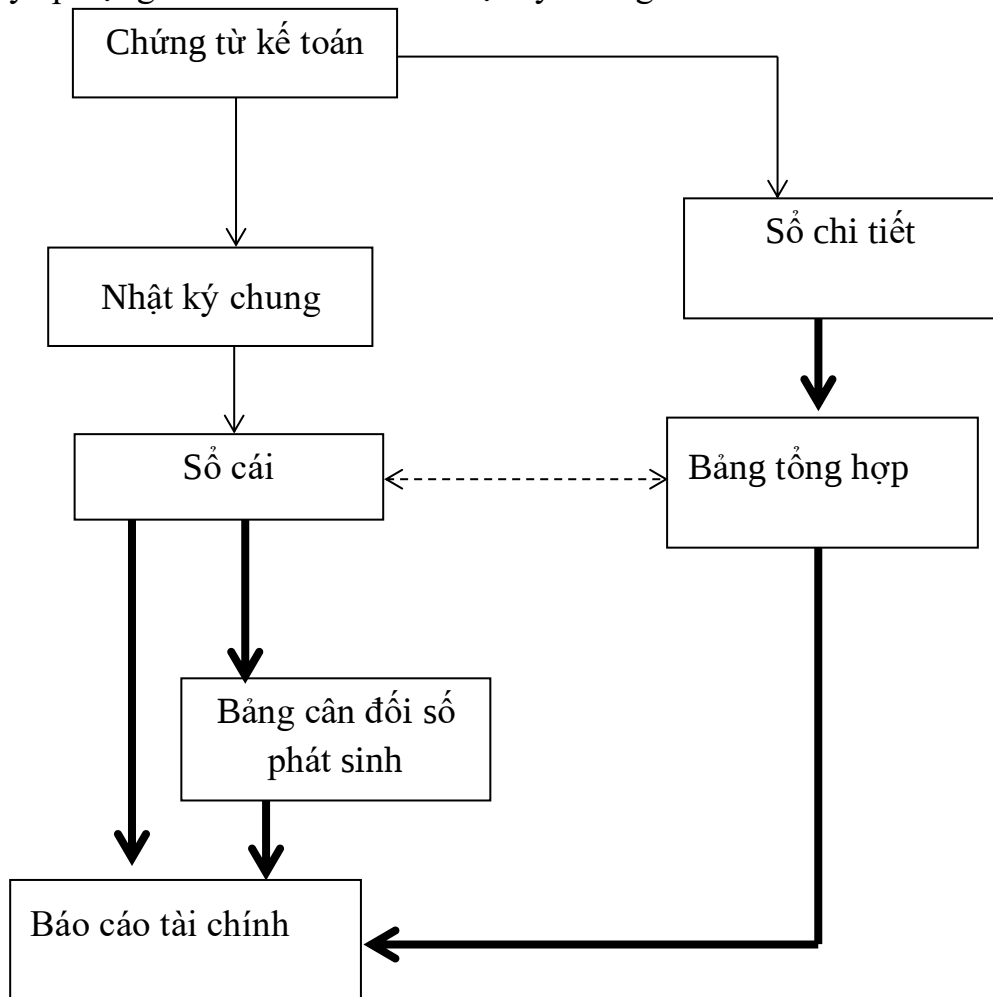
Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.

2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại công ty

Công ty áp dụng hệ thống chứng từ và tài khoản theo chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính

2.1.3.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung



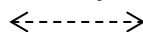
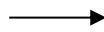
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi định kỳ

Kiểm tra, đối chiếu



- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ

ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ

Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối kỳ, kế toán tiến hành căn cứ vào số liệu trên sổ chi tiết tài khoản lập bảng tổng hợp chi tiết. Căn cứ số liệu sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh (sau khi đã đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết). Căn cứ bảng tổng hợp chi tiết và bảng cân đối số phát sinh và sổ cái các tài khoản có liên quan kiểm tra lập báo cáo tài chính cuối kỳ.

- Theo nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.

2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long.

2.2.1. Đặc điểm và tính giá NVL tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long.

2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty:

Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và công nghiệp. Để xây dựng lên các công trình lớn doanh nghiệp đã sử dụng một khối lượng nguyên vật liệu rất lớn như : gạch , đá, xi măng , sắt thép..... Muốn hạch toán chính xác nguyên vật liệu thì phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học. Hiện nay ở công ty các loại nguyên vật liệu mới chỉ được mã hóa theo tên gọi chứ chưa được xây dựng thành danh điểm một cách khoa học.

2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu tại công ty

❖ Giá nguyên vật liệu nhập kho

Công ty tính giá nguyên vật liệu theo giá trị thực tế. Các loại nguyên vật liệu sử dụng sản xuất tại công ty thực tế là nguyên vật liệu mua ngoài

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí} & & \text{Chiết khấu} \\ \text{tế NVL} & = & \text{ghi trên} & + & \text{thu mua} & - & \text{thương mại ,} \\ \text{nhập} & & \text{hóa đơn} & & \text{thực tế} & & \text{giảm giá hàng} \\ \text{kho} & & & & & & \text{mua} \end{array}$$

Trong đó :

- ❖ Giá ghi trên hóa đơn: là giá chưa thuế GTGT
- ❖ Chi phí thu mua thực tế : Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, được cộng vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu nhập kho là vấn đề quan trọng , giúp công ty đảm bảo được tình hình cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được hi phí đầu vào của công ty. Do vậy chứng từ hóa đơn được lưu giữ đầy đủ theo quy định hiện hành gồm :

- ❖ Hóa đơn GTGT
- ❖ Phiếu nhập kho
- ❖ Các chứng từ thanh toán khác

Khi nguyên vật liệu về đến công ty, cán bộ kỹ thuật sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên liên quan. Phiếu nhập gồm 3 liên

Liên 1 : Lưu tại cuống

Liên 2 : Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

Liên 3 : Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ

- ❖ Tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Hiện tại công ty đang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Nguyên vật liệu xuất kho được tính như sau :

- Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu tại công ty sử dụng được dùng chủ yếu cho thi công các công trình. Khi đội trưởng các công trình có nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu sẽ lập phiếu yêu cầu cấp vật tư, sau đó chuyển xuống phòng kế toán căn cứ vào đó kế toán viết phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên

- Liên 1 : Lưu tại cuốn

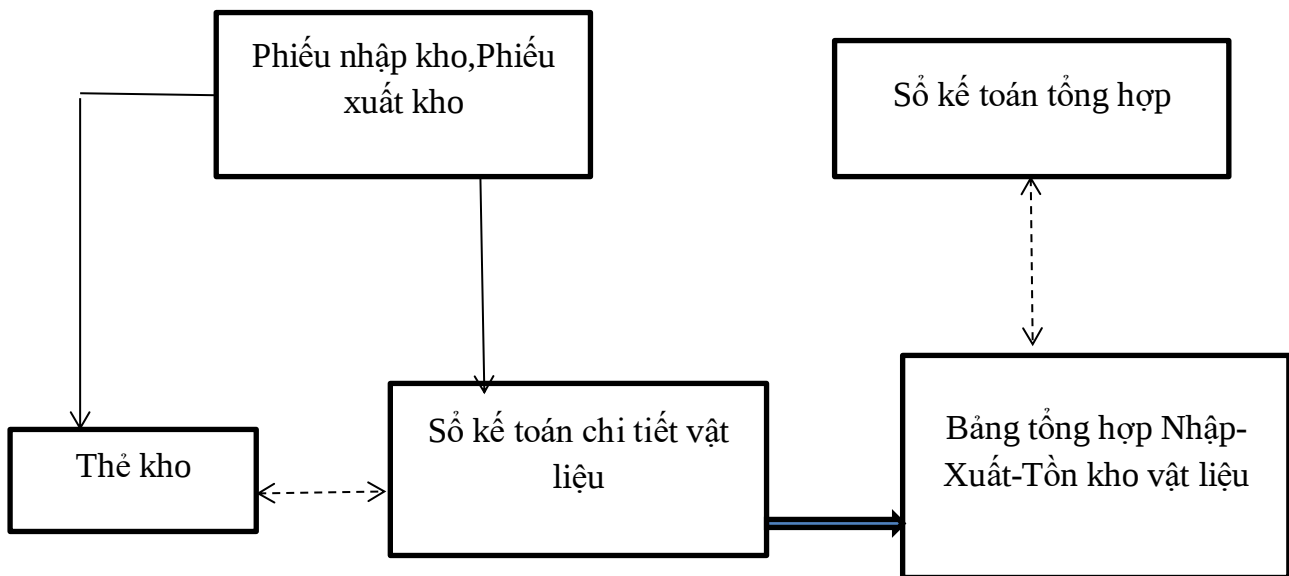
- Liên 2 : Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

- Liên 3 : Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ

2.2.1.3 : Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty

Do vật liệu của công ty chiếm một tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên đòi hỏi phải theo dõi chặt chẽ quá trình nhập – xuất – tồn của từng loại nguyên vật liệu. Vật liệu ở công ty rất đa dạng các nghiệp vụ nhập, xuất diễn ra thường xuyên hàng ngày do đó nhiệm vụ của kế toán chi tiết nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng. Do tính quan trọng của nguyên vật liệu nên công ty đã chọn phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.

Sơ đồ 2.4 : Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú :

- > Ghi cuối ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- <-.-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu kiểm tra

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1:

Ngày 3/12/2017 mua Thép cây D10 của công ty TNHH thương mại Uy Lực Đạt. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000130 (Biểu số 2.1) và phiếu nhập số 86 (Biểu số 2.2) Thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.5), kế toán ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu 2.6)

Ngày 6/12/2017 xuất vật liệu cho công trình đã được phê duyệt, kế toán ghi phiếu xuất kho số 134 (Biểu 2.4)

Giá xuất kho thép cây D10

-Tồn đầu kỳ (1/12): 36.100kg , đơn giá 12.300đ/kg

Trị giá tồn kho đầu kỳ = 36.100 * 12.300 = 444.030.000

-Nghịệp vụ phát sinh trong kỳ

+ Ngày 3/12 mua 9580 kg thép cây D10, đơn giá 11.400đ/kg

Trị giá nhập kho ngày 3/12 = $9580 * 11.400 = 109.212.000$

Ngày 6/12 xuất kho 13.720kg thép cây D10 cho công trình VI 02

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \quad 444.030.000 + 109.212.000 \\ \text{quân xuất} \quad = \frac{\quad}{\quad} \\ \text{ngày 6/12} \quad \quad \quad 36.100 + 9580 \end{array}$$

$$= 12.111 \text{ đồng}$$

Trị giá 13.720kg thép D10 xuất kho

$$= 13.720 * 12.111 = 166.162.920 \text{ đồng}$$

Trị giá tồn sau lần xuất 6/12

$$= 444.030.000 + 109.212.000 - 166.162.920 = 387.079.080 \text{ đồng}$$

Căn cứ vào phiếu xuất kho 134 (Biểu 2.4) Thủ kho vào thẻ kho (Biểu 2.5) Kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu (Biểu 2.6)

Cuối tháng từ các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm , hàng hóa . (Biểu 2.11)

Biểu số 2.1 Trích hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 03 tháng 12 năm 2017			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0000130		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH THƯƠNG MẠI UY LỰC ĐẠT Mã số thuế: 0201642310 Địa chỉ: Xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng Số tài khoản: 03270460010105 ngân hàng VIB Thủy Nguyên					
Họ tên người mua hàng: Vũ Thọ Biểu Tên đơn vị: Công TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long Mã số thuế: ..0201184572..... Địa chỉ: Xã Bắc Vang, thôn Tả Quan, xã Dương Quan, Huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Hình thức thanh toán:CK/TM....; Số tài khoản: :03270460010105					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Thép cây D10	Kg	9.580	11.400	109.212.000
Cộng tiền hàng:					109.212.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		10.921.200
Tổng cộng tiền thanh toán					120.133.200
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu một trăm ba mươi ba ngàn hai trăm đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.2 Trích phiếu nhập kho

Mẫu số 01 - VT

Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long

Thôn Tả Quan, Xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày.03 tháng.12.năm 2017

Số:86

Nợ 152

Có 331

- Họ và tên người giao: Vũ Thọ Trường

- Theo HĐ số 0000130 ngày 03 tháng 12 năm 2017 của: Công ty TNHH thương mại Uy Lực Đạt

Nhập tại kho: VT-Kho vật tư

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép cây D10		Kg	9.580	9.580	11.400	109.212.000
	Cộng						109.212.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm linh chín triệu hai trăm mười hai ngàn đồng

- Số chứng từ gốc kèm theo: 0000130

Ngày 3 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)Người giao hàng
(Ký, họ tên)Thủ kho
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu 2.3: Phiếu yêu cầu cấp vật tư

Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long

Địa chỉ 1: Xóm Bắc Vang – thôn Tả Quan – xã Dương Quan – huyện

Thủy Nguyên – Hải Phòng

Địa chỉ 2: Thị trấn Núi Đồi – huyện Kiến Thụy – thành phố Hải phòng

PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ

Người nhận: Nguyễn Văn Vĩnh

Địa chỉ : Đội công nhân số 1

Lý do xuất kho : Xuất NVL cho công trình VI 02

STT	Tên vật tư	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thép cây D10		Kg	13.720	

Hải phòng ngày 6 tháng 12 năm 2017

Phê duyệt

Người yêu cầu

Biểu số 2.4: Trích phiếu xuất kho số 134

Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long

Mẫu số: 02-VT

Xóm Bắc Vang, thôn tá Quan, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, TP

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Hải phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 12 năm 2017

Nợ 621

Số: 134

Có 152

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Vĩnh

Địa Chỉ: Đội thi công số 1

Lý do xuất kho: Xuất NVL công trình VI 02

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực lĩnh		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép cây D10		Kg	13.720	13.720	12.111	166.162.920
	Cộng						166.162.920

Xuất kho tại : VT- Kho vật tư

Tổng tiền (Viết bằng chữ): Một trăm sáu sáu triệu một trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm hai mươi đồng

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 6 tháng 12 năm 2017

Người lập	Người nhận	Thủ kho	Kế toán	Giám đốc
phiếu	hàng	<i>(ký, họ tên)</i>	trưởng	<i>(ký, họ tên)</i>
<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>		<i>(ký, họ tên)</i>	

Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long

Thôn Tả Quan, Xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ 01/01/2017

Tên nhãn hiệu quy cách, vật tư: Thép cây D10

Năm 2017

STT	NT	SHCT		Diễn giải	Ngày N,X	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				<u>Tồn đầu tháng 12</u>				<u>36.100</u>	
1	03/12	PN86		Nhập kho thép cây D10	03/12	9.580		45.680	
2	06/12	PXK134		Xuất cho công trình VI 02	06/12		13.720	31.960	
3	16/12	PN90		Nhập kho thép cây D10	16/12	10.000		41.960	
4	20/12	PXK140		Xuất thép cây D10 cho đội công nhân số 2	20/12		20.000	21.960	
									
				Cộng phát sinh		54.830	55.310		
				<u>Dư cuối tháng 12</u>				<u>35.560</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6:

Đơn vị: Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long
Địa chỉ : thôn Tả Quan,x.Dương Quan,h.Thủy Nguyên,Tp.Hải Phòng

Mẫu số S10 - DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Năm 2017

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu . Tên kho : VT- kho vật tư

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ , dụng cụ (sản phẩm , hàng hóa) : Thép cây D10

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		<u>Số dư đầu tháng 12</u>							<u>36.100</u>	<u>444.030.000</u>
PN86	3/12	Nhập kho thép xây dựng (thép cây D10)	331	11.400	9580	109.212.000			45.680	553.242.000
PX134	6/12	Xuất kho NVL cho công trình VI 02	621	12.111			13.720	166.162.920	31.960	387.079.080
PN90	10/12	Nhập kho thép xây dựng (thép cây D10)	331	11.300	10.000	135.600.000			41.960	500.079.080
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng phát sinh tháng 12			54.830	668.654.500	55.370	671.638.100		
		<u>Dư cuối tháng 12</u>							35.560	<u>441.064.400</u>

Người lập biểu

(kí , họ tên)

Kế toán trưởng

(ký ,họ tên)

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên)

Ví dụ 2:

-Ngày 8/12/2017 mua xi măng PCB 30 của công ty TNHH thương mại Uy Lực Đạt. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000134 (Biểu 2.7) và phiếu nhập số 88(Biểu 2.8), thủ kho ghi vào thẻ kho (Biểu 2.11), kế toán ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu 2.12)

Ngày 12/12/2017 theo yêu cầu xuất vật tư (Biểu 2.9) cho công trình đã được phê duyệt, kế toán viết phiếu xuất kho số137(Biểu 2.10)

❖ Tồn đầu kỳ (5/12) 66,5 tấn xi măng PCB 30, đơn giá 1.080.000 đồng/tấn

Trị giá tồn kho đầu kỳ = $66,5 * 1.080.000 = 71.820.000$

❖ Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ

+ Ngày 8/12 nhập kho 420 tấn xi măng PCB 30, đơn giá 1.100.000 đồng/tấn

Trị giá nhập kho ngày 8/12 = $420 * 1.100.000 = 462.000.000$

Ngày 12/12 xuất kho 26,2 tấn xi măng thi công công trình cho đội thi công số 1

Đơn giá bình quân xuất xi măng PC30 ngày 12/12 =
$$\frac{71.820.000 + 462.000.000}{66.5 + 420}$$

= 1.097.266 đồng

Trị giá 26,2 tấn xi măng PC 30 xuất kho:

$26,2 * 1.097.266 = 28.748.369$ đồng

Căn cứ vào phiếu xuất kho 137 (Biểu 2.10), Thẻ kho (Biểu 2.11),Kế toán ghi vào sổ chi tiết xi măng PC30 (Biểu 2.12)

Cuối tháng căn cứ vào các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Biểu 2.13)

Biểu số 2.7 Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 08 tháng 12 năm 2017				Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0000134	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH THƯƠNG MẠI UY LỰC ĐẠT Mã số thuế: 0201642310 Địa chỉ: Xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng Số tài khoản: :03270460010105					
Họ tên người mua hàng: Vũ Thọ Biểu Tên đơn vị: Công TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long Mã số thuế: ...0201184572..... Địa chỉ: Xã Bắc Vang, thôn Tả Quan, xã Dương Quan, Huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Hình thức thanh toán:CK/TM....; Số tài khoản: :03270460010105					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Xi măng PC30	Tấn	420	1.100.000	462.000.000
Cộng tiền hàng:					462.000.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 46.200.000
Tổng cộng tiền thanh toán					508.200.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm lẻ tám triệu hai trăm nghìn đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.8 Phiếu nhập kho

Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long

Mẫu số 01 - VT

Thôn Tả Quan, Xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, Thành phố
Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày: 08 tháng 12 năm 2017

Số: 88

Nợ 152

Có 331

- Họ và tên người giao:

- Theo HĐ số 0000134 ngày 08 tháng 12 năm 2017 của: Công ty TNHH thương mại Uy Lực Đạt

Nhập tại kho: VT-Kho vật tư

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng PC30		Tấn	420	420	1.100.000	462.000.000
	Cộng						462.000.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn trăm sáu mươi hai triệu đồng

-Số chứng từ gốc kèm theo: 0000134

Ngày 08 tháng 12 năm 2018

Người lập
phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu 2.9 : Phiếu yêu cầu xuất vật tư

Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long

Địa chỉ 1: Xóm Bắc Vang – thôn Tả Quan – xã Dương Quan – huyện

Thủy Nguyên – Hải Phòng

Địa chỉ 2 : Thị trấn Núi Đồi – huyện Kiến Thụy – thành phố Hải phòng

PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ

Người nhận : Nguyễn Văn Vĩnh

Địa chỉ: Đội thi công số 2

Lý do xuất kho : Xuất NVL cho công trình Trường cấp 1 Kiến Thụy

STT	Tên vật tư	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Xi măng PCB 30		Tấn	26,2	

Hải phòng ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phê duyệt

Người yêu cầu

Biểu số 2.10 : Phiếu xuất kho

Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long

Mẫu số:02-VT

Xóm Bắc Vang,thôn tả Quan,xã Dương Quan,huyện Thủy Nguyên,TP Hải phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 12 năm 2017

Nợ 621

Số: 137

Có 152

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Vĩnh

Địa Chỉ: Đội thi công số 2

Lý do xuất kho: Xuất NVL công trình trường cấp 1 kiến Thụy

Xuất kho tại : VT- Kho vật tư

STT	Tên,nhãn hiệu,quy cách,phẩm chất vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực lĩnh		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Xi măng PC30		Tấn	26,2	26,2	1.097.226	28.748.369
	Cộng					1.097.226	28.748.369

Tổng tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi chín đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 12 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu
(ký,họ tên)

Người nhận hàng
(ký,họ tên)

Thủ kho
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký,họ tên)

Giám đốc
(ký,họ tên)

Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long

Thôn Tả Quan, Xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ 01/01/2017

Tên nhãn hiệu quy cách, vật tư: Xi măng PC30

STT	NT	SHCT		Diễn giải	Ngày N,X	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				<u>Tồn đầu tháng 12</u>				<u>66,5</u>	
1	08/12	PN88		Xi măng PC30	08/12	420		486,5	
2	12/12	PX 137		Xuất xi măng PC30 cho đội thi công số 1	12/12		26,2	460,3	
3	16/12	PN90		Nhập kho xi măng	16/12	100		560,3	
4	20/12	PX141		Xuất xi măng PC30 cho đội công nhân số 2	20/12		180	380,3	
									
				Cộng phát sinh		1000	980		
				<u>Dư cuối tháng 12</u>				<u>86,5</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.12.. (Trích sổ chi tiết xi măng PCB 30)

Đơn vị: Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long
Địa chỉ : thôn Tả Quan,x.Dương Quan,h.Thủy Nguyên,Tp.Hải Phòng

Mẫu số S10 - DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU , DỤNG CỤ (SẢN PHẨM ,HÀNG HÓA)

Năm 2017

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu . Tên kho : VT- kho vật tư

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ , dụng cụ (sản phẩm , hàng hóa) : Xi măng PCB 30

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		<u>Số dư đầu 12</u>		<u>1.080.000</u>					<u>66,5</u>	<u>71.820.000</u>
PN88	8/12	Nhập kho xi măng PCB 30	331	1.100.000	420	462.000.000			486,5	533.820.000
PX137	12/12	Xuất kho NVL cho công trình	621	1.097.266			26,2	28.748.369	460,3	505.071.631
PN90	16/12	Nhập kho xi măng	331	1.100.000	100	110.000.000			560,3	643.000.000
										
		Cộng phát sinh tháng 12			1000	1.115.450.000	980	1.097.600.900		
		<u>Dư cuối tháng 12</u>							<u>86,5</u>	<u>89.669.100</u>

Người lập biểu

(kí , họ tên)

Kế toán trưởng

(ký ,họ tên)

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên)

Biểu 2.13 :(Trích bảng Tổng hợp nhập xuất tồn)

Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long

Mẫu số S11-DN

Thôn Tả Quan,Xã Dương Quan,huyện Thủy Nguyên,Thành phố
Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU,DỤNG CỤ,SẢN PHẨM,HÀNG
HÓA

Tài khoản 152

STT	Tên vật liệu	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Thép cây D10	444.030.000	668.654.500	671.638.100	441.064.400
2	Thép cây D14	345.765.000	752.800.000	845.370.100	253.194.900
....					
12	Xi măng PC30	71.820.000	1.115.450.000	1.097.600.900	89.669.100
...		...			
15	Cát đen	45.567.000	125.468.000	150.230.000	20.805.000
	Cộng	1.255.640.000	2.908.750.000	3.140.258.000	1.024.132.000

Tháng 12 năm 2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(ký,họ tên)Kế toán trưởng
(ký,họ tên)

2.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long

2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu nhập kho
- phiếu xuất kho
- hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy báo nợ

2.2.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng

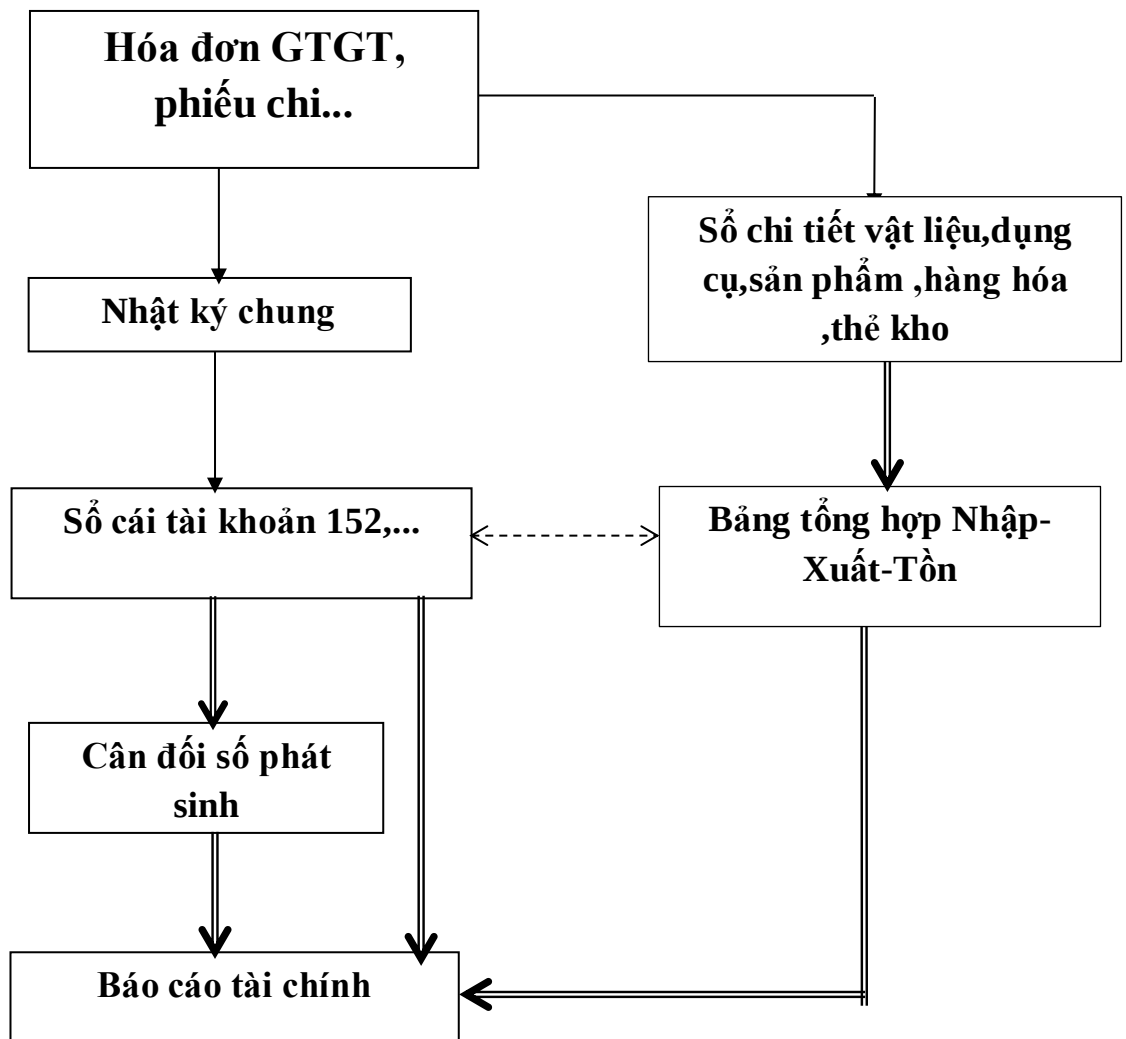
- Tk 152 – “Nguyên vật liệu”
- Tk 621 – “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

2.2.3.3. Quy trình hạch toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long.

📌 Quy trình hạch toán



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:
- =====→ Ghi định kỳ:
- <-----> Đối chiếu:

2.2.3.4. Ví dụ minh họa.

Lấy ví dụ các nghiệp vụ ở phần kế toán chi tiết để minh họa phần ghi sổ tổng hợp.

Ví dụ 3 (tiếp VD1)

Ngày 3/12/2017 mua thép xây dựng (Thép cây D10) của công ty TNHH thương mại Uy Lực Đạt.

Định khoản

Nợ TK 152: 109.212.000

Nợ TK 133: 10.921.200

Có TK 331: 120.133.200

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000130 (Biểu số 2.1) và phiếu nhập số 86 (Biểu số 2.2). Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.14) ,từ sổ nhật ký chung vào sổ cái tài khoản 152 (Biểu số 2.15)

Ngày 6/12/2017 xuất vật liệu cho công trình đã được phê duyệt theo phiếu xuất kho số 134 (Biểu 2.4).

Định khoản

Nợ TK 621: 166.162.920

Có TK 152: 166.162.920

Kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.14) Và sổ cái tài khoản 152 (Biểu số 2.15)

Ví dụ 4 (tiếp VD2)

Ngày 8/12/2017 mua xi măng PCB 30 của công ty TNHH thương mại Uy Lực Đạt.

Định khoản

Nợ TK 152: 462.000.000

Nợ TK 133: 46.200.000

Có TK 331: 508.200.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000134 (Biểu 2.7) và phiếu nhập số 88(Biểu 2.8), Kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.14), vào sổ cái tài khoản 152 (Biểu số 2.15)

Ngày 12/12/2017 theo yêu cầu xuất vật tư (Biểu 2.9) cho công trình đã được phê duyệt theo phiếu xuất kho số 137 (Biểu 2.10).

Định khoản

Nợ TK 621:28.748.369

Có TK 152:28.748.369

Kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.14) và sổ cái tài khoản 152 (Biểu số 2.15)

Cuối kỳ đối chiếu số liệu trên sổ cái 152 với bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu

Biểu số 19: Trích sổ Nhật ký chung**Mẫu số S03a-DN****Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long**(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)**Thôn Tả Quan, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng****SỔ NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2017**

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ
						
3/12	HĐ130 PN86	03/12	Mua Thép cây D10 của công ty TNHH thương mại Uy Lực Đạt	152	109.212.000	
				133	10.921.200	
				331		120.133.200
....						
06/12	PX134	06/12	Xuất thép cây D10 cho công trình VI 02	621	166.162.920	
				152		166.162.920
...	...					
08/12	HĐ134 PN88	08/12	Mua xi măng PC30 của công ty TNHH Uy Lực Đạt	152	462.000.000	
				133	46.200.000	
...		...		331	...	508.200.000...
12/12	PX137	12/12	Xuất xi măng PC30 thi công công trình cho đội thi công số 1	621	28.748.369	
				152		28.748.369
						
25/12	PX160	25/12	Xuất gạch 2 lỗ cho công trình trường mầm non Hoa Sen	621	11.025.000	
				152		11.025.000
						
			Cộng phát sinh		741.957.359.248	741.957.359.248

Đơn vị tính: Đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.15 : Trích sổ cái tài khoản 152 năm 2017

Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long

Thôn Tả Quan, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

(Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo thông tư số

200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

SỔ CÁI

Năm: 2017

Tên tài khoản: Phải trả người bán

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK Đ/U'	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng 12</u>		1.255.640.000	
03/12	PN86	09/12	Mua Thép D10 của công ty TNHH thương mại Uy Lực Đạt	331	109.212.000	
....						
06/12	PX134	06/12	Xuất thép cây D10 cho công trình VI 02	621		166.162.920
...	...					
08/12	PN88	08/12	Mua xi măng PC30 của công ty TNHH Uy Lực Đạt	331	462.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
12/12	PX137	12/12	Xuất xi măng PC30 thi công công trình trường cấp 1 Kiến Thụy cho đội thi công số 1	621		462.000.0000
...	...	...	...	...	...	...
25/12	PX160	25/12	Xuất gạch 2 lỗ cho công trình trường mầm non Hoa Sen	621		11.025.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		2.908.750.000	3.140.258.000
			<u>Số dư cuối tháng 12</u>		<u>1.024.132.000</u>	

Số hiệu: 152

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ CÔNG
NGHIỆP MINH LONG****3.1. Đánh giá chung về công tác nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây
dựng và công nghiệp Minh Long**

Trong quá trình thực tập tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long với kiến thức đã học và áp dụng thực tế với công việc em đã rút ra được bài học về cách quản lý, hạch toán kế toán. Em thấy công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh phù hợp với khả năng của mình. Quá trình sản xuất kinh doanh luôn phát triển, tổng số vốn kinh doanh doanh thu, lợi nhuận hàng năm vẫn tăng lên. Vì thế công tác kế toán nguyên vật liệu luôn được chú trọng và ngày một hoàn thiện.

➤ Ưu điểm

+ Tuy còn trẻ nhưng kế toán trưởng và các kế toán viên đều là những người có kinh nghiệm trong ngành kế toán, nhiệt huyết với công việc, luôn sáng tạo theo trong công việc để đạt được hiệu quả cao.

+ Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, mọi sổ sách, chứng từ, hóa đơn đều được làm ở phòng kế toán tổng hợp. Tránh được nhầm lẫn, mất mát sổ sách, số liệu được luân chuyển qua sổ sách luôn chính xác và chuyên nghiệp.

+ Hệ thống chứng từ, sổ sách:

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung phù hợp với công ty, thuận tiện cho kế toán theo dõi và rất phổ biến hiện nay.
- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh luôn được công ty phản ánh, ghi chép đầy đủ và chính xác.

+ Công tác mua và bảo quản, sử dụng nguyên vật liệu

- Công tác thu mua: Công ty có bộ phận kiểm định chất lượng am hiểu thị trường cũng như chất lượng sản phẩm nên việc thu mua diễn ra rất thuận lợi và ổn định. Đồng thời công ty thường xuyên ký hợp đồng với các nhà cung cấp có

chất lượng cao, mặt hàng tốt, giá cả hợp lý luôn đảm bảo đúng đủ về mặt chất lượng cũng như quy cách chất lượng nguyên vật liệu. Giao hàng đúng hạn kịp thời không làm ảnh hưởng gián đoạn đến việc thi công công trình.

- Về khâu dự trữ bảo quản: Công ty luôn đảm bảo NVL dự trữ ở mức hợp lý nhằm đáp ứng cho việc xây dựng được liên tục mà không gây ứ đọng vốn. Công ty thường nhập vật liệu và xuất kho theo phương pháp xuất thẳng vì thế mà NVL tồn kho là không nhiều, đặc biệt Công ty có hệ thống bến bãi dự trữ rộng, thuận tiện cho việc nhập xuất NVL

- Về khâu sử dụng: Mọi nhu cầu sử dụng NVL đều được đưa qua phòng vật tư để đánh giá và xem xét tình hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của các nhu cầu trước khi cung ứng nhằm sử dụng NVL

- Về việc sử dụng hệ thống sổ kế toán: Hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống Chứng từ ghi sổ theo hệ thống tài khoản thống nhất, mới ban hành. Phương pháp này kết hợp chặt chẽ giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, tất cả các sổ sách sử dụng đều được lập theo mẫu sổ quy định.

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm cần phát huy ở trên thì công tác NVL ở Công ty còn có những hạn chế sau:

➤ **Hạn chế:**

Về việc ứng dụng phần mềm kế toán

Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán nhưng kế toán chỉ sử dụng Excel và máy tính chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện theo cách thủ công nên việc tính toán gặp khó khăn, dễ dẫn đến sai sót.

Về việc luân chuyển chứng từ:

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ luân chuyển giữa các bộ phận. Mỗi khi giao nhận chứng từ mỗi bên giao nhận đều phải ký vào phiếu giao nhận.

Việc này giúp quản lý chứng từ chặt chẽ hơn theo dõi được số lượng chứng từ trong một khoản thời gian nhất định. Hơn nữa cũng nâng cao được tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên.

Về việc xây dựng danh điểm vật tư

Công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại nguyên vật liệu, dẫn đến sự khó khăn trong quản lý vật liệu. Các loại nguyên vật liệu trong công ty mới chỉ được mã hóa theo ký hiệu viết tắt của chúng, dẫn đến việc khó nhận biết đâu là nguyên vật liệu chính đâu là nguyên vật liệu phụ. Do vậy việc quản lý vật liệu không đạt hiệu quả cao, các nguyên vật liệu chưa được phân định rõ ràng. Vì vậy đây là một vấn đề quan trọng công ty cần quan tâm và xem xét để công tác quản lý diễn ra một cách hợp lý, khoa học tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý nguyên vật liệu cũng như các ứng dụng trong phần mềm kế toán.

Về việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trong thực tế việc trích lập các khoản dự phòng là rất quan trọng, giúp đơn vị đánh giá được giá trị thực của tài sản hiện có. Đặc biệt là một Công ty có lượng nguyên vật liệu lớn, đa dạng phong phú về chủng loại, thì công tác lập dự phòng giảm giá càng nên được chú trọng.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long.

Việc hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận. Cũng như nhiều doanh nghiệp xây dựng với đặc điểm chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí trong công trình. Vì vậy mà việc nghiên cứu đưa ra nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu là vô cùng cần thiết, và việc hoàn thiện phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- Phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải tuân thủ, nhưng được quyền sử dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để mang lại hiệu quả cao nhất.

- Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý ở đơn vị mình, không bắt

buộc phải giáp khuôn theo chế độ trong khuôn khổ hiện hành vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành và quản lý tài chính nhà nước.

- Đảm bảo sự hài hòa giữa mỗi quan hệ chi phí và lợi nhuận, đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận tối thiểu hóa chi phí.

- Các thông tin kế toán đưa ra phải luôn luôn chính xác, kịp thời phù hợp với yêu cầu giúp cho nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu.

3.2.1. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán

Việc áp dụng công nghệ vào công tác kế toán là vô cùng cần thiết. Hiện nay công nghệ thông tin phát triển không ngừng tạo ra rất nhiều ưu điểm vượt trội giúp con người giải quyết rất nhiều vấn đề. Nhiều doanh nghiệp hiện nay đã mạnh dạn đầu tư nhằm tin học hóa công tác quản lý, kế toán cho phép nâng cao hiệu quả, tiết kiệm chi phí đồng thời làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các doanh nghiệp.

Việc áp dụng phần mềm kế toán sẽ làm giảm thiểu khối lượng công việc, tránh tình trạng thất thoát mang tính khách quan, tiết kiệm chi phí, tổ chức công tác kế toán gọn nhẹ và hiệu quả cao trong công việc. Tạo sự đồng bộ hóa về hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng, giảm thiểu sai sót tính toán, tiết kiệm tốt được thời gian.

Một số phần mềm kế toán thông dụng hiện nay:

PHẦN MỀM KẾ TOÁN MISA

Phần mềm kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ MISA SME.NET 2017 đã và đang dần trở thành người bạn thân thiết, tin cậy của nhiều doanh nghiệp Việt bởi những tính năng và tiện ích mà phần mềm mang lại. Cùng với sự phát triển chung của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, MISA SME.NET 2017 là phần mềm kế toán tiên phong trong việc kết nối trực tiếp với cơ quan thuế, ngân hàng điện tử và tích hợp ngay hóa đơn điện tử trên phần mềm.



Tính năng kê khai thuế qua mạng của MISA SME.NET 2017

Kê khai thuế qua mạng Internet là bước đi tất yếu trong giai đoạn hiện nay nhằm từng bước hiện đại hóa ngành thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, tiết kiệm chi phí và thời gian trong việc kê khai nộp hồ sơ khai thuế, giảm tình trạng quá tải, áp lực cho các cơ quan thuế mỗi khi đến kỳ hạn nộp hồ sơ khai thuế.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 tích hợp chữ ký số Viettel-CA vào các báo cáo thuế, kết xuất trực tiếp báo cáo có mã vạch theo tiêu chuẩn của tổng cục thuế. Theo đó, với doanh nghiệp sử dụng MISA SME.NET 2017, vấn đề nộp hồ sơ thuế qua mạng rất đơn giản và nhanh chóng. Doanh nghiệp không mất thời gian cho việc nhập dữ liệu vào hệ thống kê khai thuế HTKK, không cần phải in báo cáo và đến cơ quan thuế, có thể ngồi bất cứ nơi đâu có Internet vẫn đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế đúng thời hạn và chính xác.

MISA SME.NET 2017 và hóa đơn điện tử MeInvoice.vn – Sự kết hợp hoàn hảo của công nghệ

Hóa đơn điện tử đang dần được thay thế cho hóa đơn giấy thông thường. Năm bắt được xu thế ấy, ngày 05/01/2018 công ty Cổ phần MISA đã chính thức phát hành hóa đơn điện tử Meinvoice.vn tích hợp trên phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

MISA cũng chính là đơn vị duy nhất vừa cung cấp phần mềm kế toán vừa cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được tích hợp với nhau trên cùng một phần mềm. Không những thế, dịch vụ hóa đơn điện tử Meinvoice.vn của MISA là

dịch vụ hóa đơn điện tử đầu tiên ứng dụng công nghệ Blockchain giúp nâng cao độ an toàn, bảo mật, minh bạch trong các giao dịch.

Sự kết hợp hoàn hảo này đã giúp các doanh nghiệp thuận tiện trong quá trình chuyển đổi từ hóa đơn giấy sang hóa đơn điện tử. Khách hàng nếu đang sử dụng phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 sẽ không cần phải thực hiện thao tác nhập lại dữ liệu lên để sử dụng hóa đơn điện tử. Tất cả dữ liệu từ phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 sẽ được tích hợp trên phần mềm hóa đơn điện tử Meinvoice.vn giúp khách hàng tiết kiệm được thời gian, công sức, khách hàng chỉ cần thực hiện quá trình lập, xuất hóa đơn và gửi hóa đơn ngay trên phần mềm.



Việc thay thế hóa đơn giấy bằng hóa đơn điện tử đã mang lại lợi ích nhiều mặt cho doanh nghiệp, khách hàng sử dụng lẫn cơ quan quản lý thuế. Có thể kể đến một số lợi ích cụ thể như:

- Áp dụng hóa đơn điện tử góp phần rất lớn trong việc tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Thuận tiện cho việc hạch toán kế toán, đối chiếu dữ liệu, quản trị kinh doanh của doanh nghiệp và các đơn vị thành viên.

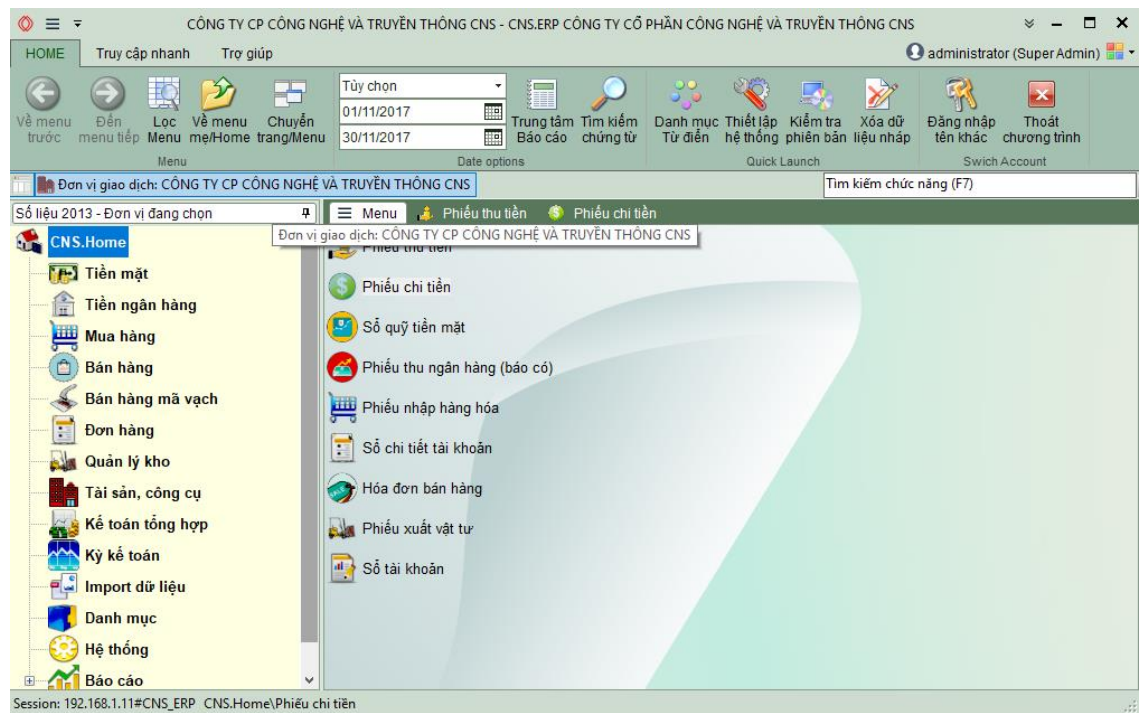
- Về phía khách hàng, quá trình thanh toán sẽ nhanh và thuận tiện hơn do việc lập, gửi/nhận hóa đơn được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử. Công việc này góp phần hiện đại hóa công tác hạch toán kế toán, quản trị doanh nghiệp để phù hợp với xu thế kinh doanh ngày càng phát triển trên thị trường quốc tế hiện nay, phù hợp với các công nghệ tiên tiến đang được áp dụng trên thế giới như Mobile Banking, Internet Banking, SMS Banking và góp phần bảo vệ môi trường.

PHẦN MỀM KẾ TOÁN CNS

Hiện tại có rất nhiều loại phần mềm kế toán trên thị trường, từ tính phí tới miễn phí, từ trong nước lẫn nước ngoài. Mỗi loại phần mềm đều có những ưu điểm, nhược điểm khác nhau tùy vào điều kiện cũng như nhu cầu của công ty, doanh nghiệp hay cửa hàng bạn mà nên chọn những loại phần mềm kế toán cho phù hợp.

Theo CNS, đối với các doanh nghiệp mới thành lập, các doanh nghiệp nhỏ (doanh nghiệp Startup) có số lượng chứng từ phát sinh ít, các cá nhân thì việc mua và sử dụng 1 phần mềm bản quyền là điều khá tốn kém trong khi dùng bản lậu thì rất nhiều rủi ro nên dùng phần mềm kế toán miễn phí luôn là giải pháp tối ưu cho các bạn thuộc nhóm này.

Với giao diện được tối ưu, đơn giản hóa thao tác, cải thiện phím tắt giúp cho phần mềm thân thiện và dễ sử dụng. Thêm vào đó, các nghiệp vụ có thể mở nhiều màn một lúc sắp xếp tuần tự theo luồng quy trình công việc trực quan, dễ hiểu cho người sử dụng, dễ kiểm tra đối soát giữa các giao dịch.



Tùy biến cao

Phần mềm kế toán CNS.NET có nhiều tùy chọn khác nhau để phù hợp với quy mô và nhu cầu của từng doanh nghiệp từ các tập đoàn, tổng công ty lớn có nhiều chi nhánh, đa điểm cho đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Công nghệ hiện đại

Phần mềm kế toán CNS.NET sở hữu công nghệ hiện đại mang đến trải nghiệm thú vị cho người sử dụng, giúp người sử dụng có thể làm việc online với số liệu ở công ty ngay cả khi vẫn ở nhà mà không cần phải cài bất kỳ phần mềm điều khiển từ xa nào như teamviewer hay ultraviewer hoặc AnyDesk.

Đáp ứng nhiều lĩnh vực

CNS.NET được thiết kế linh động tùy biến theo dõi chi tiết các khoản mục, vụ việc, công trình, hạng mục công trình (lĩnh vực xây dựng) theo từng đối tượng và cập nhật chi tiết các giao dịch theo hóa đơn, hợp đồng. Nhờ đó dễ dàng kiểm soát được doanh thu, chi phí, công nợ và hạn thanh toán cho các chỉ tiêu quản trị của doanh nghiệp.

Luôn mới

Phần mềm kế toán CNS.NET luôn luôn được cập nhật tự động những tính năng mới và đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán tuân thủ những thay đổi mới nhất về chế độ kế toán, tài chính theo quy định của Bộ tài chính Việt Nam:

▪ **Thông tư 200/2014/TT-BTC** hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

▪ **Thông tư 133/2016/TT-BTC** hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Phần mềm kế toán miễn phí CNS accounting đã và đang được đánh giá là 1 trong những phần mềm kế toán miễn phí **TỐT NHẤT**.

Những ưu điểm của phần mềm kế toán miễn phí CNS:

- Miễn phí và không cần đăng kí sử dụng.
- Cài đặt dễ dàng và có thể cài đặt nhiều lần với nhiều máy.
- Đầy đủ chức năng kế toán cần thiết, tiện lợi trong việc sử dụng và quản lý số liệu quản trị, số liệu thuế với sự chính xác tuyệt đối.
- Ngôn ngữ sử dụng cả tiếng Anh và tiếng Việt.
- An toàn trong cài đặt và sử dụng.
- Tài liệu hướng dẫn cài đặt và các tài liệu hướng dẫn sử dụng được cung cấp đầy đủ và rõ ràng.
- Luôn nhận được sự hỗ trợ từ CNS Việt Nam khi cần.

 2. Phần mềm kế toán Fast Accounting**Ưu điểm:**

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, Fast Accounting có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

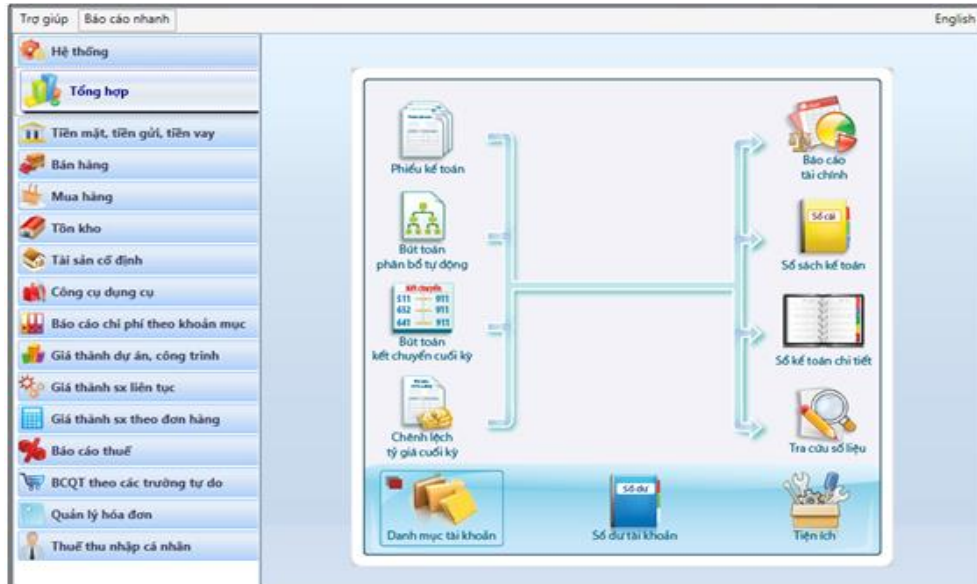
- Tốc độ xử lý rất nhanh.

- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ - Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

Giá: 12.000.000 đồng



Theo em, công ty nên lựa chọn phần mềm MISA SME.NET professional 2015 vì đây là phần mềm có những tính năng rất phù hợp với công ty và giá cả hợp lý.

3.2.2. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ giữa các phòng ban bộ phận. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì bên giao nhận phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người đúng bộ phận. Việc này giúp quản lý chặt chẽ hơn, nâng cao tinh thần trách nhiệm cho công nhân viên.

Biểu số 3.1 : Sổ giao nhận chứng từ**SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Năm

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
	SH	NT			Người giao	Người nhận

3.2.3. Hoàn thiện công tác lập sổ danh điểm vật tư.

Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long là một công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, thi công các công trình xây dựng nên khối lượng nguyên vật liệu cần sử dụng là rất lớn. Hiện nay việc phân loại nguyên vật liệu của công ty vẫn chưa thể hiện được sự hợp lý, khoa học, không thể hiện rõ được công dụng của từng loại nguyên vật liệu. Với đặc điểm sử dụng và kinh doanh nguyên vật liệu tại công ty như hiện nay, theo em công ty nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng “Sổ danh điểm vật tư”

Lập danh điểm vật tư là qui định cho mỗi thứ vật tư một ký hiệu riêng (mã số) bằng hệ thống các chữ số (có thể kết hợp với các chữ cái) để thay thế tên gọi,qui cách, kích cỡ của chúng. Danh điểm vật tư phải được sử dụng thống nhất giữa các bộ phận quản lý liên quan trong doanh nghiệp, nhằm thống nhất trong quản lý đối với từng thứ vật tư. Mỗi doanh nghiệp có thể lập danh điểm vật tư theo cách riêng, song cần đảm bảo yêu cầu dễ ghi nhớ và hợp lý, tránh nhầm lẫn hay trùng lặp. Việc quản lý nguyên vật liệu trong công ty sẽ thuận tiện, chặt chẽ,thống nhất và khoa học hơn.

Để đảm bảo phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu công ty nên và sử dụng các tiêu khoản như sau trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu:

- TK 1521: “Nguyên vật liệu chính”
- TK 1522: “Nguyên vật liệu phụ”
- TK 1523: “Nhiên liệu”
- TK 1524: “Phụ tùng thay thế”
- TK 1525: “Phế liệu thu hồi”

Việc mở thêm các tiểu khoản sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của nhà nước.

Ngoài ra sau khi đã hạch toán nguyên vật liệu theo tiểu khoản giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ được chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu. Như vậy quá trình xác định và hạch toán chi phí nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm sẽ được cụ thể hóa theo từng nguyên vật liệu với chức năng, vai trò riêng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, giảm chi phí nguyên vật liệu hay có thể so sánh chi tiết từng loại nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm giữa các kỳ.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã dựa vào các đặc điểm sau:

- + Dựa vào nhóm vật liệu;
- + Dựa vào loại vật liệu trong mỗi nhóm;
- + Dựa vào số thứ vật liệu có trong mỗi nhóm, loại;
- + Dựa vào quy cách vật liệu trong mỗi thứ.

Trong mỗi nhóm nguyên vật liệu sẽ sử dụng chữ cái để chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu giúp cho việc theo dõi dễ dàng hơn. Trên cơ sở đó, việc quản lý nguyên vật liệu sẽ được tiến hành một cách khoa học và chặt chẽ.

Ví dụ:

TK 1521: Nhóm nguyên vật liệu chính

TK 1521-A: Thép

TK 1521-A1: Thép cây D10

TK1521-A2: Thép cuộn D6

TK1521-A3: Thép hình L

.....

TK 1522: Nhóm nguyên vật liệu phụ

TK 1522-A: Đinh

TK 1522-A1: Đinh 8

TK 1522-A2: Đinh 10

.....

Theo em, để tiện theo dõi và quản lý nguyên vật liệu công ty nên lập sổ danh
điểm vật tư như sau :

Biểu số 3.1: Sổ danh điểm vật tư

Ký hiệu		Danh điểm vật tư	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư	Đơn vị tính	Ghi chú
Nhóm	Loại				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521-A		Thép		
		1521-A1	Thép cây D10	kg	
		1521-A2	Thép cuộn D6	kg	
					
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522-A		Đinh		
		1522-A1	Đinh 8	kg	
		1522-A2	Đinh 10	kg	
					
1523			Nhiên liệu		
.....					
1524			Phụ tùng thay thế		
...					
1525			Phế liệu thu hồi		
....					

- Mở sổ danh điểm vật tư phải có sự kết hợp nghiên cứu của phòng kế toán, các phòng ban liên quan sau đó trình lên ban lãnh đạo của công ty để thống nhất quản lý và sử dụng trong toàn công ty. Cụ thể:

-Hệ thống chứng từ liên quan đến danh điểm vật tư (phiếu nhập kho, phiếu xuất kho) phải bổ sung danh điểm của từng vật tư

-Hệ thống sổ sách kế toán như sổ chi tiết vật liệu, sổ chi tiết chi phí, thẻ kho, Bảng tổng hợp nhập xuất tồn cũng chi tiết theo từng danh điểm vật tư.

-Khi công ty xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư thì việc theo dõi, kiểm tra vật tư được dễ dàng hơn rất nhiều và thuận tiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán khi công ty hiện đại hóa công tác kế toán. Khi áp dụng phần mềm kế toán, hệ thống danh điểm vật tư này sẽ được khai báo trong Danh mục vật tư và số liệu về từng danh điểm vật tư có thể được truy xuất dễ dàng trên phần mềm, giúp ban lãnh đạo có thể đưa ra hướng giải quyết kinh doanh phù hợp.

3.2.4. Hoàn thiện công tác trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm hàng hóa tồn kho bị giảm giá, đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho khi doanh nghiệp lập báo cáo tài chính.

Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu, dụng cụ dùng cho sản xuất, vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho, sản phẩm dở dang (bao gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lạc hậu ..) mà giá gốc trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần cho việc bán sản phẩm đó.

Doanh nghiệp căn cứ vào tình hình giảm giá và số lượng của từng loại hàng tồn kho để xác định mức dự phòng. Thời điểm lập và hoàn nhập dự phòng là thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Trường hợp doanh nghiệp được Bộ tài chính chấp thuận áp dụng năm tài chính khác năm dương lịch; thì thời điểm lập dự phòng là ngày cuối cùng của năm tài chính.

Kế toán phải tính toán xác định số dự phòng giảm giá cần lập nhưng với điều kiện là không được lớn hơn số lợi nhuận của công ty. Phải lập dự phòng cho các hàng hóa tồn kho và phải tiến hành riêng cho từng loại nguyên vật liệu.

Khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kế toán sử dụng tài khoản 229 “Dự phòng tổn thất tài sản” để phản ánh việc giảm giá của vật tư.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 229 - Dự phòng tổn thất tài sản như sau:

Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết;
- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.
- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên Có:

Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư bên Có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

Tài khoản 229 - Dự phòng tổn thất tài sản có 4 tài khoản cấp 2

-Tài khoản 2291 - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

-Tài khoản 2292 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn.

-Tài khoản 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi.

-Tài khoản 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

❖ Phương pháp hạch toán

-Khi lập báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch ghi:

Nợ TK 632-Giá vốn hàng bán

Nợ TK 2294- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

-Khi lập báo cáo tài chính , nếu dự phòng giảm giá hàng tồn kho kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch ghi :

Nợ TK2294 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK632 – Giá vốn hàng bán

-Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng , mất phẩm chất, hư hỏng , không còn giá trị sử dụng ,ghi:

-Nợ TK 2294 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (được bù đắp bằng dự phòng)

-Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán (Nếu số tồn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có Tk 152,153,155,156.

Ví dụ:

Cuối năm 2017 giá thép cây D14 trên thị trường còn 10.000 đồng/kg.Trong khi đó giá ghi trên sổ của công ty là 11.400 đồng/kg, trong kho còn dự trữ 17.500 kg, khi đó công ty cần lập dự phòng giảm giá cho loại vật liệu này.

$11.400 - 10.000 = 1.400$ đồng/kg

Mức trích lập dự phòng: $1.400 \text{ (đồng/kg)} * 17.500 \text{ (kg)} = 24.500.000$ đồng.

Việc lập dự phòng giảm giá được tính riêng cho từng loại nguyên vật liệu và được tổng hợp vào bảng kê dự phòng giảm giá nguyên vật liệu như sau:

Biểu 3.4:

Bảng kê chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho 2017

Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Giá ghi sổ	Giá thị trường	Mức chênh lệch	Mức dự phòng
Thép cây D14	Kg	17.500	11.400	10.000	1.400	24.500.000
Gạch 2 lỗ	Viên	560.000	839	750	89	49.840.000
Xi măng Fico	Tấn	117,2	1.174.208	1.080.000	94.208	11.041.178
Cây chống	Cây	1154	25.000	21.000	4.000	4.616.000
Cộng						89.997.178

Người lập
(Ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Kế toán định khoản

Nợ TK 632: **89.997.178**

Có TK 2294: **89.997.178**

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên rồi ghi vào sổ Nhật ký chung và sổ cái tài khoản liên quan.

3.2.5. Một số giải pháp khác

❖ Quản lý và sử dụng vật liệu

- Khi đã lập kế hoạch hậu cần vật tư, chuyển giao vật tư trong nội bộ doanh nghiệp với các định mức. Nhà quản trị cần kiểm tra theo dõi vật tư để có thể đưa ra những điều chỉnh cần thiết. Lập các kế hoạch về nhu cầu dự trữ và hậu cần vật tư cho kỳ kế hoạch
- Xây dựng mức dự phòng hợp lý linh hoạt trước những biến cố tác động từ bên ngoài. Do đó doanh nghiệp cần có những biện pháp theo dõi điều chỉnh kịp thời lượng vật liệu dự trữ nhằm đảm bảo mức nhu cầu sử dụng.
- Đối với những vật tư thừa còn có thể sử dụng được thì có thể trì hoãn tiến độ nhập hàng để tận dụng sử dụng hết lượng vật tư thừa

❖ Bộ máy kế toán

- Về công tác đào tạo: Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là tin học và chuẩn mực kế toán mới.
- Về chế độ quản lý kiểm tra: Thường xuyên kiểm tra sổ sách, đối chiếu số liệu nhằm tránh sai sót và sửa chữa sai sót kịp thời.
- Tăng cường theo dõi, kiểm tra cán bộ công nhân viên qua việc theo dõi bảng chấm công.
- Tổ chức giờ làm một cách khoa học, phân công công việc hợp lý, phù hợp cho từng người để tăng hiệu quả công việc. Tạo môi trường làm việc hài hòa, thoải mái cho công nhân viên.

KẾT LUẬN

Đề tài: “*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Xây dựng và Công nghiệp Minh Long*” đã đề cập được những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản như sau:

❖ **Về mặt lý luận:** Đưa ra những vấn đề lý luận cơ bản về nguyên vật liệu và kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính.

❖ **Về mặt thực tiễn:**

✓ Phản ánh thực trạng về tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long với số liệu năm 2017.

✓ Đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long:

- Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán
- Công ty nên lập Sổ giao nhận chứng từ
- Công ty nên lập sổ danh điểm vật tư
- Công ty nên trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Xây dựng và Công nghiệp Minh Long em đã học hỏi được nhiều điều bổ ích, những kinh nghiệm thực tế về kiến thức chuyên môn, giúp em hiểu sâu hơn về công tác kế toán. Một lần nữa, em xin gửi lời biết ơn chân thành và sâu sắc nhất đến giảng viên hướng dẫn - Ths Nguyễn Thị Mai Linh, ban lãnh đạo và phòng kế toán Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long đã giúp em rất nhiều để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này. Mặc dù đã cố gắng với hết khả năng của mình, nhưng do kiến thức lý luận và thực tế hiểu biết chưa nhiều nên bài viết không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Em rất mong được tiếp thu và xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày tháng năm

Sinh viên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1* Hệ thống tài khoản kế toán, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2* Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH xây dựng và công nghiệp Minh Long (2017), *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.